**BỘ GIÁO ÁN – SGK KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BÀI 9**  **TRÁI ĐẤT – NGÔI NHÀ CHUNG**  *(13 tiết)* |

|  |
| --- |
| Chúng ta phải học cách có mặt trên hành tinh này.  Ét- ga Mô- ranh (Edgar Morin) |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **C:\Users\Admin\Downloads\tải xuống (1).jpg** | Trái Đất, Ngôi Nhà Lớn Của Chúng Ta |  |

**A. PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.**

**I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:**

**1. Đọc:**

**\* Đọc hiểu các văn bản:**

- VB1: *Trái Đất- cái nôi của sự sống (Hồ Thanh Trang)*

- VB2: *Các loài chung sống với nhau như thế nào?* (Ngọc Phú)

- VB3:*Trái Đất* (Ra-xun Gam-da-tốp)

-VB thực hành đọc: *Sinh vật trên Trái Đất được hình thành như thế nào?*(Nguyễn Quang Riệu)

**\* Thực hành tiếng Việt: Đặc điểm và loại văn bản; chức năng của đoạn văn; từ mượn.**

**2. Viết:** - Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận

- Tóm tắt sơ đồ nội dung một biên bản đơn giản

**3. Nói và nghe:** Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường

**II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 13 tiết – KHGD:**

1. **Đọc và thực hành tiếng Việt: 8 tiết.**
2. **Viết: 4 tiết.**
3. **Nói và nghe: 1 tiết.**

**B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC**

**I. Năng lực**

- Nhận biết được đặc điểm chức năng của văn bản và đoạn văn; biết cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn văn trong văn bản thông tin trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.

- Nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin; chỉ ra được các mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản;

- Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dụng cho phù hợp.

- Viết được biên bản đúng qui cách, tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc.

- Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.

- Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong VB có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân

**II. Về phẩm chất:**

- Trách nhiệm: tự nhận thức được trách nhiệm của mình khi là thành viên của ngôi nhà chúng- Trái đất; có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

- Nhân ái, chan hòa thể hiện được thái độ yêu quý trân trọng sự sống của muôn loài.

**Bảng mô tả năng lực và phẩm chất cần hình thành cho học sinh:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NÃNG LỰC ÐẶC THÙ : ÐỌC – VIẾT- NÓI - NGHE** | | |
| **1** | Nhận biết được đặc điểm chức năng của văn bản và đoạn văn; | **Ð1** |
| **2** | Nhận biết cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn văn trong văn bản thông tin trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn | **Ð2** |
| **3** | Nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin; chỉ ra được các mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản. Hiểu được tác dụng của nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng và vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu… | **Ð3** |
| **4** | Nêu được ý nghĩa của vấn đề mà văn bản đã đặt ra đối với mọi người; nhận biết được tình cảm và thái độ của người viết được thể hiện trong văn bản. Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong VB có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân | **Ð4** |
| **5** | Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dụng cho phù hợp. | **Ð5** |
| **6** | Viết được biên bản đúng qui cách, tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc. | **V1** |
| **7** | Biết trình bày, phát biểu cảm nhận, suy nghĩ của mình về đặc sắc nội dung và các hình thức nghệ thuật của các văn bản thông tin | **N1** |
| **8** | Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất (bằng hình thức nói). | **N2** |
| **9** | Nghe bạn trình bày về các giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, tiếp nhận, tự rút kinh nghiệm. | **N3** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ÐỀ** | | |
| **11** | - Biết được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  - Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vấn đề giáo viên đưa ra. | **GT-HT** |
| **12** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và chỉ ra được một số giải pháp giải quyết vấn đề (ở cấp độ phù hợp với nhận thức và năng lực HS cấp THCS). | **GQVÐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: NHÂN ÁI, TRÁCH NHIỆM** | | |
| **13** | * Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất. * Nhân ái, chan hòa, yêu quý muôn vật, muôn loài | **NA,**  **TN** |

**Giải thích các kí tự viết tắt cột MÃ HÓA:**

**- Ð:** Ðọc (1,2,3,4,5: Mức độ).

**- V:** Viết (1: mức ðộ)

**- N:** Nghe – nói (1,2,3,4: mức độ)

**- GT-HT:** Giao tiếp – hợp tác.

**- GQVÐ:** Giải quyết vấn ðề.

**- YN:** Yêu nước

**- CH:** Chăm học

**C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**I. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Chuẩn bị phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập.

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: Video, phim ngắn, tranh ảnh, ...nói về Trái Đất, về đời sống muôn vật muôn loài.

**II. Học sinh.**

- Đọc văn bản theo hướng dẫn **Chuẩn bị đọc** trong sách giáo khoa.

- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong SGK, sưu tầm, đọc, tìm hiểu một số sự việc, hiện tượng mà em quan tâm;

**D. CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TRONG BÀI HỌC.**

**1. Câu hỏi: Theo Phiếu học tập**

**2. Bài tập :**

**-**  Viết đoạn văn với chủ đề: Để hành tinh xanh xanh mãi; Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài luôn cần thiết cho nhau

- Viết một biên bản cho một cuộc họp, cuôc thảo luận; Tóm tắt nội dung một Vb đơn giản, …

**3. Rubric**

**Rubric 1: Đánh giá trả lời câu hỏi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập (PHT)** | **Mức đánh giá** | | |
| Phiếu học tập 01 | HS trả lời được 1/3 số câu hỏi của PHT | HS trả lời được 2/3 số câu hỏi của PHT hoặc trả lời được tất cả các câu hỏi nhưng nội dung trả lời sơ lược. | HS trả lời đúng và đầy đủ tất cả các câu hỏi của PHT  (khuyến khích các cách trả lời sáng tạo) |
| Phiếu học tập | Nt | Nt | Nt |

**Rubric 2: Đánh giá thực hiện bài tập**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Đoạn văn với chủ đề: *Để hành tinh xanh xanh mãi;*  **(10 điểm)** | Nội dung đoạn văn còn sơ sài; mắc một số lỗi chính tả  ( 5 – 6 điểm) | Nội dung đoạn văn tương đối chi tiết; trình bày được suy nghĩ, ý kiến riêng có sức thuyết phục về vấn đề bảo vệ trái Đất, về sự hòa hợp với muôn loài, không mắc lỗi chính tả  (7- 8 điểm) | Nội dung đoạn văn chi tiết; trình bày được suy nghĩ riêng có sức thuyết phục về đề bảo vệ trái Đất, về sự hòa hợp với muôn loài; diễn đạt sáng tạo, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả.  (9- 10 điểm) |

**E. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ ðạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HÐ 1: Khởi động** | **Kết nối – tạo tâm thế tích cực.** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến ý nghĩa của từng VB | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Ðàm thoại, gợi mở | - Ðánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  - Do GV đánh giá. |
| **HÐ 2: Khám phá kiến thức** | **Ð1,Ð2,Ð3,Ð,N1,N2,N3,N4,**  **GT-HT,GQVÐ** | A. ĐỌC  I. Ðọc hiểu văn bản *Trái Đất- cái nôi của sự sống*  và thực hành Tiếng Việt.  II. Ðọc hiểu văn bản *Các loài chung sống với nhau như thế nào?* và thực hành Tiếng Việt.  III. Đọc hiểu văn bản: *Trái Đất*  B. VIẾT Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận  - Tóm tắt sơ đồ nội dung một biên bản đơn giản C. NÓI VÀ NGHE  Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường  Thực hành đọc: *Sinh vật trên Trái Đất được hình thành như thế nào?* | Ðàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; | Ðánh giá qua sản phẩm qua hỏi ðáp; qua phiếu học tập, qua trình bày do GV và HS ðánh giá  -Ðánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HÐ 3: Luyện tập** | **Ð3,Ð4,GQVÐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não | - Ðánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  - Ðánh giá qua quan sát thái ðộ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HÐ 4: Vận dụng** | **N2, V1,GQVÐ** | Liên hệ thực tế đời sống để hiểu, làm rõ thêm thông điệp của văn bản. | Ðàm thoại gợi mở; thuyết trình; trực quan. | Ðánh giá qua sản phẩm của HS, qua trình bày do GV và HS đánh giá.  - Ðánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá. |
| **Hướng dẫn tự học** | **Tự học** | Giao nhiệm vụ, hướng dẫn để học sinh tự tìm tòi, mở rộng để có vốn hiểu biết sâu hơn. | Tự học | - Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  - GV và HS đánh giá |

**G. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (cho cả bài 9)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học nhằm giới thiệu chủ đề “*Trái Đất- Ngôi nhà chung”* và thể loại của văn bản chính là văn bản thông tin

**b. Nội dung hoạt động: Một trong các nội dung sau:**

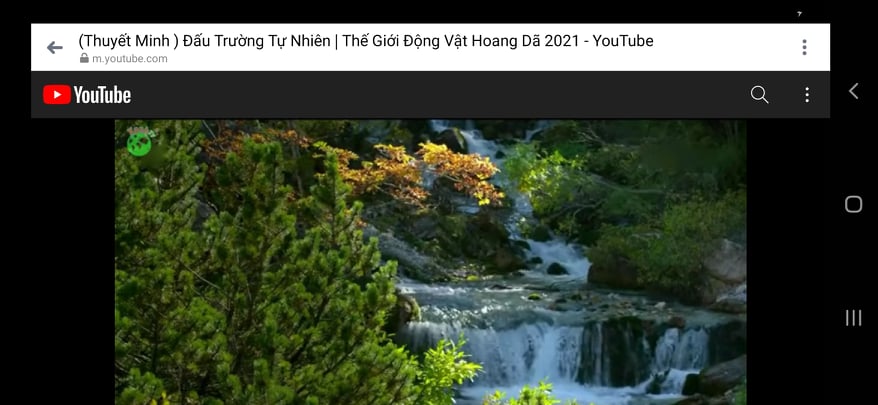
- Qua hình ảnh, video, hoặc phim ngắn GV trình chiếu, học sinh quan sát, yêu cầu các em phát biểu những cảm nhận ban đầu về ý nghĩa của nó.

Sau đó logic vấn đề với bài học mới.

**c. Sản phẩm**:Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học **d. Tổ chức thực hiện:**

**(Nội dung 3)**

***- Bước 1*:** GV chiếu phim ngắn: Phim ngắn về thế giới động vật hoang dã – một vương quốc động vật nguyên thủy dãy núi An-pơ- một di sản thế giới ở miền Bắc I-ta-ly-a theo đường link: <https://www.youtube.com/watch?v=evHnwNghJms&t=0s> (xem 3 phút đầu)



? Cho biết nội dung của bộ phim ngắn? Đoạn phim gợi cho em suy nghĩ gì?

***- Bước 2:*** HS theo dõi, suy nghĩ và đưa ra đánh giá ban đầu về ý nghĩa của nó..

***- Bước 3*:** HS nêu cảm nhận về thiên nhiên và động vật hoang dã ở nơi đây.

***- Bước 4*:** GV nhận xét, khen ngợi và trao quà (phần thưởng, điểm hoặc tràng pháo tay ).

**GV dẫn dắt vào bài học mới:** Các em thấy không, Trái Đất của chúng ta vô cùng tươi đẹp. Nơi con người và các loài vật chung sống với nhau; đây là ngôi nhà chung của chúng ta. Tuy nhiên, ngôi nhà chung ấy đã thực sự được mỗi chúng ta thấu hiểu và quan tâm chưa? Chúng ta làm thế nào để Trái Đất của chúng ta mãi an toàn và tươi đẹp? Bài học hôm nay, sẽ giúp chúng ta hiểu thêm về Trái Đất xinh đẹp của chúng ta, từ đó sẽ giúp chúng ta nhận ra trách nhiệm của mình đối với việc bảo vệ Trái Đất!

**Tiết** .......

**Văn bản 1: TRÁI ĐẤT – CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG**

**Hồ Thanh Trang**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết được các thành phần của văn bản thông tin gồm: nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn, tranh ảnh…

- Nhận biết và phân tích được trình tự văn bản: vừa theo trình tự thời gian, vừa theo trình tự nhân quả.

- Thấy được những nhân tố đe dọa môi trường trên Trái Đất.

- Nhận biết được đặc điểm và loại văn bản; nhận biết chức năng đoạn văn trong văn bản.

**2. Về phẩm chất**

- Nhân ái, chan hòa thể hiện được thái độ yêu quý trân trọng sự sống của muôn loài, có ý thức bảo vệ môi trường sống trên trái đất.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh, phim ngắn, tư liệu liên quan đến ý nghĩa của VB: sự muôn màu của cuộc sống trên Trái Đất

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Văn bản đọc: Trái Đất- cái nôi của sự sống trên Trái Đất.**

**1.1.Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về tri thức ngữ văn và VB *Trái Đất- cái nôi của sự sống*

**b. Nội dung hoạt động:** trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*Câu 1: Em từng nghe, đọc hay đã thuộc những ca khúc, bài thơ nào viết về Trái Đất? Chúng đã gợi lên trong em ấn tượng, cảm xúc gì? Theo em, để hiểu biết và yêu quý hơn hành tinh xanh này, chúng ta còn cần phải tìm đến những nguồn thông tin hay loại tài liệu nào khác?*

*Câu 2: Người ta thường nói: “Sự sống muôn màu”. Em hiểu điều này như thế nào?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Câu 1 - Em từng nghe, đọc hay đã thuộc những ca khúc, bài thơ nào viết về Trái Đất: Bài hát Trái đất này là của chúng mình (Trương Quang Lục); Bài thơ Trái đất còn quay (Huy Cận). Những bài thơ, bài hát này đã gợi lên trong em hình ảnh Trái Đất là một hành tinh xanh rộng lớn, quay mãi.

- Theo em, để hiểu biết và yêu quý hơn hành tinh xanh này, chúng ta còn cần phải tìm đến những nguồn thông tin nghiên cứu khoa học về trái đất, lịch sử hình thành trái đất,...

Câu 2– Sự sống muôn màu: sự sống trên Trái Đất đa dạng, phong phú với nhiều loài thực vật, động vật và cả con người.   
Ví dụ: Thế giới hữu sinh thật muôn màu muôn vẻ.   
+ Có loài chỉ có thể quan sát được bằng kính hiển vi như vi sinh vật. Có loài mang kích thước khổng lồ: cây bao báp, cá voi xanh, khủng long,… Có vô số loài thực vật, động vật sinh sôi nảy nở,…Tất cả tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học lạ lùng, bí ẩn.   
GV dẫn dắt kết nối vào bài học: Trái Đất là một hành tinh xanh tràn đầy sự sống và là cái nôi diệu kỳ của sự sống. Vậy con người cần có thái độ ứng xử như thế nào đối với Trái Đất của chúng ta.

**1.2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Mục I. Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, GQVĐ.**

- Nắm được những kiến thức cơ bản về đặc điểm của văn bản, đoạn văn, các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin

văn bản thông tin

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về văn bản thông tin

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của đại diện cặp đôi trình bày được một số nét cơ bản về văn bản thông tin và các yếu tố cơ bản trong văn bản thông tin

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  GV yêu cầu HS đọc phần **Kiến thức ngữ văn** trong SGK để nêu những hiểu biết về văn bản thông tin  dựa vào phần chuẩn bị ở nhà để nêu những hiểu biết về văn bản thông tin:  *+ Nêu khái niệm về văn bản thông tin và khái niệm về đoạn văn trong văn bản?*  *+ Các VB truyện hay thơ mà em đã học ở bài trước có phải là VB thông tin không?Vì sao?*  *+ Hãy chỉ ra các yếu tố (các bộ phận cấu thành) của một VB thông tin bất kì mà em đã đọc?*  *+ Vì sao cần phải cân nhắc về trật tự triển khai một VB thông tin? Em hiểu như thế nào về trật tự nhân quả?*  *+ một VB thông tin đa phương thức có sử dụng phối hợp các phương tiện nào? (kể tên các phương tiện phi ngôn ngữ?)*  **-** HS đọc **phần Kiến thức ngữ văn** trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó.  \* Chia nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ (Cặp đôi chia sẻ):  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc **Tri thức đọc hiểu** trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó.  - Sa-pô là gì?  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm - Đại diện của nhóm** trình bày .  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV chiếu một bài bài báo có sa –pô để HS quan sát, nhận biết.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  **-** GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  **-** GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  GV lưu ý: VBTT (informational text) là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về con người, sự vật, hiện tượng hoặc hướng dẫn thực hiện hoạt động dựa trên các số liệu, sự kiện khách quan và kiến thức khoa học. VBTT rất phổ biến trong xã hội dưới dạng các bài báo, tạp chí, từ điển, sách giáo khoa, sách viết về danh nhân, sách hướng dẫn (du lịch, sử dụng thuốc, nấu ăn...), panô, áp phích…  VB thông tin có 2 dạng: VB thông tin thông thường và VB thông tin đa phương thức. | **I. Tri thức ngữ văn**  **1. Khái niệm văn bản:**  - Là một đơn vị giao tiếp có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Dùng để trao đổi thông tin trình bày suy nghĩ, cảm xúc…  **2. Đoạn văn trong văn bản:**  - Đoạn văn là bộ phận quan trọng của văn bản, có sự hoàn chỉnh tương đổi về ý nghĩa và hình thức.  **3. Văn bản thông tin**  **a. Các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin**  - Một văn bản thông tin thường có các yếu tố như: nhan để (một số văn bản có sa-pô dưới nhan đề), đề mục (tên gọi của các phân), đoạn văn, tranh ảnh,...  - Mỗi văn bản thông tin có một cách triển khai riêng như thời gian hoặc nhân quả  Ví dụ: VB “Ai ơi mồng 9 tháng 4” là VB thông tin triển khai theo trình tự thời gian.  **b. Văn bản đa phương thức**  - Văn bản đa phương thức là loại văn bản có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như kí hiệu, sơ đổ, biểu đồ, hinh ảnh... |

**Một số hình ảnh về VBTT GV chiếu để HS nhận biết sự phổ biến của VBTT trong đời sống:** 

(Ngày bầu cử HĐND các cấp nhiệm kì 2021 - 2026 ngày 23/5/2021)



( Lễ kỉ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 hằng năm ở các nhà trường)

****

(Thông tin tuyên truyền về công tác phòng chống dịch Covid-19 của Bộ Y tế)

**Mục II. Đọc văn bản** *Trái Đất- ngôi nhà chung*

**a. Mục tiêu**: **Đ1,** **Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; bố cục, vấn đề chính của VB

**b. Nội dung hoạt động**:

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm theo bàn.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** |
| *+ Ai là tác giả của VB? VB được trích từ đâu?*  *+ Vb được viết theo thể loại nào?.* | *+ Văn bản chia làm mấy phần? Nêu ý chính của từng phần.* | *+ Văn bản viết về chủ đề gì?* |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**   1. **GV hướng dẫn cách đọc**: đọc to, rõ ràng, nhấn mạnh chú ý âm lượng, tốc độ, sự biểu cảm khi đọc...   - GV đọc mẫu 1 đoạn.  - Gọi 3 HS lần lượt đọc - GV nhận xét, sửa chữa cách đọc của H S.  - Tìm hiểu chú thích SGK*: E-líp, địa cực, tác nhân, lục địa, hóa thạch,…*  *2. Thảo luận nhóm phiếu học tập số 1 theo bàn*  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận. *Mỗi nhóm thống nhất ghi đáp án chung vào ô giữa phiếu.*  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.  Ngoài phương thức nghị luận là chính, HS có thể thấy VB còn có PTBĐ khác kết hợp như tự sư, biểu cảm. | **II. Đọc văn bản**  **1. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó  ( SGK-T 78->80)  **2. Tìm hiểu chung**  **a.** **Xuất xứ**:  - Tác giả: Hồ Trang Thanh  - Trích từ Báo Điện tử *Đất Việt*- Diễn đàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kĩ thuật Việt Nam, tháng 9/2020  **b. Thể loại: Văn bản thông tin**  Phương thức biểu đạt chính: Thuyết minh  **c. Bố cục:** 3 phần *+ Mở đầu: Phần 1:* Từ đầu đến *“365,25 ngày*”: giới thiệu về Trái Đất.  *+ Thông tin chính: Phần 2:* Tiếp đến “*sự sống trên Trái Đất*” Sự sống muôn màu trên Trái Đất:  *+ Kết thúc: Phần 3:* còn lại Thực trạng của Trái Đất.  **d. Chủ đề:** VB thông tin về sự sống trên Trái Đất và gợi nhắc đến ý thức trách nhiệm của con người đối với việc bảo vệ Trái Đất**.** |

**Mục III. Khám phá văn bản**

***1. Các yếu tố hình thức của văn bản:***

**a. Mục tiêu**: **Đ1,** **Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

- HS nhận biết được các yếu tố hình thức của VB “*Trái Đất- cái nôi của sự sống”: nha đề, sa-pô, đề mục, tranh ảnh* và hiểu được tác dụng của các yếu tố đó trong việc thể hiện thông tin VB.

- Bước đầu nắm được phương pháp đọc hiểu VB thông tin.

**b. Nội dung hoạt động**:

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm kĩ thuật khăn trải bàn.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm tìm hiểu** | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** | **Nhóm 4** |
| **Nội dung tìm hiểu** | **Nhan đề** | **Sa-pô** | **Các tiêu đề nhỏ** | **Bức tranh** |
| **Câu hỏi tìm hiểu** | *Nhan đề của VB giúp người đọc xác định được điều gì?* | *Sa-pô là gì? Chỉ ra và nêu vai trò của sa-pô của VB “Trái Đất- cái nôi của sự sống”. Tại sao chữ sa-pô thường in đậm ở đầu bài viết?* | *Các tiêu đề nhỏ trong văn bản có tác dụng gì?* | *Bức tranh minh họa làm sáng tỏ thông tin gì trong VB?* |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| (1) Tìm hiểu các yếu tố hình thức của vB thông tin  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV hướng dẫn** HS thực hiện hoạt động theo khăn trải bàn.  GV cho HS quan sát hình thức VB  **Phiếu học tập số 2**  *+ hãy chỉ ra các yếu tố hình thức của VB để khẳng định đây là VB thông tin? Các yếu tố này có tác dụng gì trong việc chuyển tải thông tin đến người đọc?*  *+ Nhan đề của VB giúp người đọc xác định được điều gì?*  *+ Sa-pô là gì? Chỉ ra và nêu vai trò của sa-pô của VB “Trái Đất- cái nôi của sự sống”. Tại sao chữ sa-pô thường in đậm ở đầu bài viết?*  *+ Các tiêu đề nhỏ trong văn bản có tác dụng gì?*  *+ Bức tranh minh họa làm sáng tỏ thông tin gì trong VB?*  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS suy nghĩ, trao đổi nhóm, đưa ra suy nghĩ của mình, rồi thống nhất ý kiến với các thành viên trong nhóm.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** | **a. Nhan đề: “Trái Đất- cái nôi của sự sống”**  **=> Mục đích của VB: cung cấp thông tin về Trái Đất và sự sống trên Trái Đất như thế nào.**  ***b. Sa-pô: Vì sao Trái Đất được gọi là hành tinh xanh? Trên hành tinh xanh ấy, sự sống nảy nở tốt đẹp như thế nào? Con người làm gì để bảo vệ Trái Đất ?***  => **Tác dụng:**  - Thâu tóm, giới thiệu nội dung của VB: Giới thiệu, trình bày về sự sống trên Trái Đất và gợi nhắc đến ý thức trách nhiệm của con người đối với việc bảo vệ Trái Đất**.**  **c. Đề mục=> báo hiệu, nhận biết thông tin chủ yếu của từng đoạn văn:**  **+ *Trái Đất là một trong hệ Mặt Trời***:  + “***Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất***: Nước và vai trò của nước.  ***+ Trái Đất- nơi cư ngụ của muôn loài***: sự sống trên Trái Đất phong phú  + ***Con người trên Trái Đất*** – đỉnh cao kì diệu và những tồn tại.  + ***Tình trạng của Trái Đất ra sao***?- đang bị tổn thương do hành động của con người.  **d. Bức tranh:**  **- Hình ảnh nhiều loài động vật, thực vật trên mặt đất và dưới nước=>** giúp người đọc hình dung ra bao quát về không gian tồn tại của vạn vật trên hành tinh.    =>làm nổi bật ý triển khai phần chữ ở mục “Trái Đất- nơi ngụ cư của muôn vật, muôn loài |

**Mục 2. Tìm hiểu thông tin VB: Trái Đất và sự sống trên Trái Đất**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

- Nhận biết và phân tích được cách triển khai VB theo trình tự: vừa theo trình tự thời gian vừa theo quan hệ nhân quả

- Hiểu được những nhân tố đe dọa môi trường sống trên Trái Đất.

- Hiểu được tình cảm, cảm xúc của tác giả trước tình trạng của Trái Đất.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm, kĩ thuật mảnh ghép

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Phiếu học tập số 3**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm tìm hiểu** | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** |
| **Nội dung tìm hiểu** | **“Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất: là nước** | **Trái Đất - nơi cư ngụ của muôn loài** | **Con người trên Trái Đất** |
| **Câu hỏi tìm hiểu** | *+ Tác giả đã nói như thế nào về nước trên Trái Đất?*  *+ Theo em việc xem nước là vị thần hộ mệnh có hợp lí không?*  *+ Giữa đoạn nói về nước với nhan đề VB có mối liên hệ như thế nào? Liệu đoạn văn nói về nước có chi phối nội dung của các đoạn văn tiếp theo không?* | *+ Văn bản đã nói được đầy đủ về sự kì diệu của sự sống trên Trái Đất chưa?*  *+ Em có thể bổ sung điều gì xung quanh vấn đề này?* | *+Khi khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống, tác giả đã xuất phát từ những góc nhìn nào*?  + *Vì sao có thể khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên Trái Đất?*  *+ Bằng hiểu biết của mình, em hãy thêm bằng chứng để khẳng định con người là đỉnh cao sự kỳ diệu của sự sống trên Trái Đất?* |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Ý (a) Hướng dẫn tìm hiểu phần mở đầu  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *Đoạn văn mở đầu:* **Trái Đất trong hệ mặt trời** *cho em biết những thông tin gì?*  *? Đó là những thông tin như thế nào và có ý nghĩa ra sao với em?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc  **GV**: Dự kiến: CH gỡ khó: tác giả đã dùng những số liệu nào? Nhận xét về tính chất thông tin được đưa ra ở phần đầu VB?  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày, chia sẻ.  - Hướng dẫn HS chia sẻ ý kiến cá nhân (nếu cần).  **HS** - Chia sẻ ý kiến cá nhân - theo dõi quan sát, nhận xét, bổ sung....  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** | **a. Mở đầu: Giới thiệu về Trái Đất**  - Trái Đất là một trong tám hành tinh của hệ Mặt Trời: sao Thủy, sao Kim, sao Mộc, sao Thổ, sao Hỏa, Trái Đất, sao Thiên Vương, sao Hải Vương.  - Hoạt động: vừa quay quanh trục của nó, vừa quay quanh hệ mặt trời.  Số liệu, thông tin ngắn gọn, khoa học, chính xác -> Hiểu sơ lược về cấu tạo của Trái Đất  **C:\Users\Admin\Downloads\hinh-anh-cac-hanh-tinh-trong-he-mat-troi-696x522.jpg** |
| Ý (b) Hướng dẫn tìm hiểu phần Thông tin chính **sự sống muôn màu trên Trái Đất.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc đoạn văn:  GV hướng dẫn HS thực hiện **kĩ thuật mảnh ghép,** hoàn thành nhiệm vụ học tập Thời gian: 10 phút  ***\* Vòng chuyên sâu (5 phút)***  - Chia lớp ra làm 3 nhóm hoặc 6 nhóm:  - Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3… (nếu 3 nhóm) hoặc 1,2,3,4,5,6 (nếu 6 nhóm)...  - giao nhiệm vụ:  ***\* Vòng mảnh ghép (5 phút)***  - Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III mới & giao nhiệm vụ mới:  1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu?  **Nhóm 1:** Mục 2: “Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất)  *+ Tác giả đã nói như thế nào về nước trên Trái Đất?*  *+ Theo em việc xem nước là vị thần hộ mệnh có hợp lí không?*  *+ Giữa đoạn nói về nước với nhan đề VB có mối liên hệ như thế nào? Liệu đoạn văn nói về nước có chi phối nội dung của các đoạn văn tiếp theo không?*  **Nhóm 2: Mục 3: Trái Đất - nơi cư ngụ của muôn loài**  *Văn bản đã nói được đầy đủ về sự kì diệu của sự sống trên Trái Đất chưa? Em có thể bổ sung điều gì xung quanh vấn đề này?*  **Nhóm 3 – Mục 4: Con người trên Trái Đất** **:** *Khi khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống, tác giả đã xuất phát từ những góc nhìn nào*? *Vì sao có thể khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên trái Đất? Bằng hiểu biết của mình, em hãy thêm bằng chứng để khẳng định con người là đỉnh cao sự kỳ diệu của sự sống trên Trái Đất?*  2. Nhiệm vụ mới: *Nếu thiếu phần 2“Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất), mạch thông tin chính của văn bản sẽ bị ảnh hưởng như thế nào*  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Mục 3:** GV cho HS chia sẻ cách trình bày khác nhau về sự sống phong phú, đa dạng của các loài trên Trái Đất bằng cả trải nghiệm thực tế.  **Mục 4:** Con người trên Trái Đất: HS có thể chuẩn bị những tranh ảnh, vi deo về tác động tiêu cựa của con người trên trái Đất .  Lưu ý “Con người là đỉnh cao kì diệu về sự sống trên Trái Đất” chỉ là mệnh lệnh để thể hiện sự chủ quan của con người về chính mình. HS có thể phản biện: Sự sống sẽ kì diệu hơn nếu không có con người xuất hiện trên thế giới này...  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | **b. Thông tin chính: Sự sống muôn màu trên Trái Đất:**  **b1. “Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất: là nước**  + Nhờ có nước, Trái Đất là nơi duy nhất có sự sống.  + Nước bao phủ gần 3/4 bề mặt Trái Đất.  + Nếu không có nước, Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi.  + Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển dưới nhiều dạng phong  => Đây là đoạn văn quan trọng lí giải thông tin nêu ở nhan đề VB, là cơ sở để phát triển ý ở đoạn văn tiếp  =>VB triển khai theo quan hệ nhân quả.  **b 2. Trái Đất - nơi cư ngụ của muôn loài**  - Trái đất có muôn loài tồn tại+ Hình dạng, kích thước: Có loài bé nhỏ chỉ nhìn được bằng kính hiển vi (vi sinh vật) >< Có loài to lớn không lồ (cây bao bát, cá voi xanh, khủng long  + loài sống trên cạn – loài sống trên không - loài sống dưới nước;  -> Chúng sống ở khắp mọi nơi trên Trái Đất.  -> Chúng đều tồn tại và phát triển theo những quy luật sinh học lạ lùng. C:\Users\Admin\Downloads\images (2).jpg  **b 3. Con người trên Trái Đất**  - Tác giả xuất phát từ góc nhìn sinh học: Con người là động vật bậc cao, có bộ não và thần kinh phát triển nhất, có ý thức, có tình cảm có ngôn ngữ, biết tổ chức cuộc sống theo hướng tích cực.  - Tác động tích cực của con người: Con người cải tạo lại Trái Đất khiến cho nó người hơn, thân thiện hơn.  - Tác động tiêu cực: Con người khai thác thiên nhiên bừa bãi gây ảnh hưởng xấu đến quá trình tồn tại và phát triển của sự sống trên trái đất. |
| (c)Tìm hiểu mục 5:Tình trạng của Trái Đất hiện nay ra sao?  **Tình trạng Trái Đất hiện nay ra sao?**  Hình thức cá nhân:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  *+ Làm rõ lý do xuất hiện câu hỏi Trái Đất có thể chịu đựng được đến bao giờ trong đoạn cuối của văn bản.*  *+ Câu hỏi đó gợi lên trong em những suy nghĩ gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc cá nhân  **GV**: **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày, chia sẻ.  - Hướng dẫn HS chia sẻ ý kiến cá nhân (nếu cần).  **HS** - Chia sẻ ý kiến cá nhân - theo dõi quan sát, nhận xét, bổ sung....  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức, gv chiếu một số hình  ảnh minh họa về tình trạng Trái Đất hiện nay: | **c. Phần kết thúc:** **Thực trạng và thông điệp**  - Thực trạng đáng lo ngại của Trái Đất: đang bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức, bất chấp của con người.  - Hậu quả: Hoang mạc xâm lấn, động vật tuyệt chủng, rác thải ngập tràn, khí hậu nóng dần, nước biển dâng nhấm chìm nhiều thành phố, cánh đồng, tầng ô-dôn thủng, ô nhiễm, đe dọa sự sống muốn loài.    - Câu hỏi nhức nhối: Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Con người đứng trước thách thức lớn.  => Ý nghĩa:  + chứa đựng nỗi lo âu về tình trạng Trái Đất hiện nay  + Điều đó cũng có nghĩa là “ngôi nhà chung” mà chúng ta cư ngụ đang đứng trước những thách thức to lớn, đòi hỏi mọi người phải thể hiện tinh thần trách nhiệm, không được khoanh tay đứng nhìn, biết chia sẻ, lo lắng những vui buồn cùng Trái Đất. |

**Mục IV. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung của VB “*Trái Đất- cái nôi của sự sống”*

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời học tập của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ: thảo luận trong bàn trong 03 phút**  *Nhận xét của em về tính trọn vẹn của văn bản Trái Đất - cái nôi của sự sống xét trên cả hai phương diện hình thức và nội dung?*  Từ đó VB, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì?  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Tổ chức cho HS thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | **IV. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Kết hợp chữ viết (chữ in thường và chữ in đậm) với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động  - Thông tin chính xác, khoa học về Trái Đất.  - Trình tự trình bày thông tin : vừa theo trình tự thời gian vừa theo trình tự nhân quả giữa các phần trong văn bản. Cái trước làm nảy sinh cho cái sau chúng có quan hệ rằng buộc với nhau  **2. Nội dung**  - Trái Đất là vốn là cái nôi của sự sống phong phú của vạn vật. Tuy nhiên, con người đã có nhiều hành động làm tổn thương Trái Đất.  - Chung tay bảo vệ Trái Đất là trách nhiệm của mỗi người |

**1. 3. Hoạt động 3: V. Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**:

**c. Sản phẩm:** Khả năng trình bày ý kiến của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ: thảo luận trong bàn trong 03- 5 phút**  Câu 1. So với nhiều văn bản em đã học trước đó, văn bản Trái Đất - cái nôi của sự sống có một số điểm khác biệt về yếu tố cấu tạo và cách triển khai. Hãy nêu các yếu tố cấu thành nên VB này mà em nhận biết được.  Câu 2: Từ việc đọc hiểu văn bản Trái Đắt - cái nôi của sự sống, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách đọc một văn bản thông tin?  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Tổ chức cho HS thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức, cho điểm các nhóm.. | **Câu 1:** VB “*Trái Đất – cái nôi của sự sống”*thuộc loại văn bản thông tin, chức năng chính là cung cấp thông tin tới người đọc. Các bộ phận cấu tạo của văn bản:  - Nhan đề: *Trái Đất – cái nôi của sự sống*  - Sa-pô: Vì sao Trái Đất …. Bảo vệ Trái Đất?  - Đề mục:  + Trái Đất trong hệ Mặt Trời.  + “Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất.  + Trái Đất – nơi cư ngụ của muôn loài.  + Con người trên Trái Đất.  + Tình trạng Trái Đất hiện nay ra sao?  - Các đoạn văn:  - Tranh minh hoạ:  **Câu 2:** Cách đọc một văn bản thông tin   * Xác định đúng thông tin cơ bản của VB thông tin dựa trên nha đề, sa-pô, đề mục ..   - Đánh giá hiệu quả của cách triển khai VB thông tin mà tác giả lựa chọn  - Đánh giá tính chính xác, tinhd mới của VB thông qua hệ thống ý, số liệu, hình ảnh.. |

**1.4. Hoạt động 4: Vận dụng: Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối nhân vật với cảm xúc của HS.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  [Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D), kĩ thuật công não.  Câu 3: Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) với chủ đề: ***Để hành tinh xanh mãi xanh.*** CH gợi mở:  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhanh câu 1,2  Câu 3 suy nghĩ độc lập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS bày tỏ quan điểm câu 1,2  **-** HS nêu ý tưởng về đoạn văn  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần). | **Câu 3: Viết kết nối:** Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) với chủ đề: ***Để hành tinh xanh mãi xanh.*** \* Tìm ý  Nội dung đoạn văn: Đưa ra ý kiến về suy nghĩ, hành động cụ thể để bảo vệ sự sống trên Trái Đất  *+ Tại sao Trái Đất được gọi là hành tinh xanh? Từ “xanh” vốn chỉ màu sắc được chuyển nghĩa như thế nào trong trường hợp này?*  *+ Làm thế nào để Trái Đất luôn tươi đẹp và sự sống không ngừng tiếp diễn?* \* Dàn ý:  - *Mở đoạn*: dẫn dắt, giới thiệu chủ đề: ***Để hành tinh xanh mãi xanh.***  *- Thân đoạn:* Hệ thống lí lẽ em dùng để thuyết phục người khác: *Những việc cần làm để Trái Đất luôn tươi đẹp và sự sống không ngừng tiếp diễn*  + Bằng chứng: trồng cây xanh, chăm sóc động vật, sống gắn bó với thiên nhiên, tham gia hoạt động thu gom rác, năng cao ý thức bảo vệ môi trường…  *- Kết đoạn:* Khẳng định mỗi con người “học cahs” có mặt trân Trái Đất bằng những chia sẻ, lo lắng, vui buồn cùng Trái Đất để giữ màu xanh cho Trái Đất.  \* Hình thức đoạn văn. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Đoạn văn có chủ đề ***Để hành tinh xanh mãi xanh,*** độ dài 5-7 câu  **(10 điểm)** | Nội dung đoạn văn còn sơ sài; mắc một số lỗi chính tả  ( 5 – 6 điểm) | Nội dung đoạn văn tương đối chi tiết; trình bày được suy nghĩ riêng có sức thuyết phục về vấn đề ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ Trái Đất, không mắc lỗi chính tả  (7- 8 điểm) | Nội dung đoạn văn chi tiết; trình bày được suy nghĩ riêng có sức thuyết phục về chủ đề, diễn đạt sáng tạo, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả.  (9- 10 điểm) |

Đoạn văn tham khảo:

Trái Đất của chúng ta đang đứng trước nguy cơ tổn thương nặng nề mà chủ yếu là do hành vi của con người gây ra, mỗi chúng ta cần làm gì để Trái Đất là hành tinh xanh xanh mãi ? Điều này, cần có sự thay đổi trong nhận thức của mỗi con người, và cần được thể hiện bằng việc làm cụ thể. Nâng cao hiểu biết về sự sống trên Trái Đất, hãy sống thân thiện với thiên nhiên xùng quanh là việc làm cần thiết. Mỗi chúng ta hãy trồng cây xanh nơi mình ở, chăm sóc động vật, sống gắn bó với thiên nhiên, tham gia hoạt động thu gom rác, hạn chế sử dụng túi ni lông và chai lọ nhựa… Mỗi con người học cách có mặt trên Trái Đất bằng những chia sẻ, lo lắng, vui buồn cùng Trái Đất để giữ màu xanh cho Trái Đất.

Qua VB *Trái Đất- cái nôi của sự sống*, cùng với hiểu biết thực tế, em hãy thuyết trình về Trái Đất và gửi đến mọi người thông điệp bảo vệ Trái Đất?

- Vẽ tranh để tuyên truyền với mọi người cùng chung tay bảo vệ Trái Đất- ngôi nhà chung của chúng ta?

**2. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết... THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để nhận biết trạng ngữ

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV cho HS tham gia cuộc thi:

**Câu 1.** Bằng chứng nào cho thấy VB “Trái Đất – cái nôi của sự sống” là văn bản?

**Câu 2.**  Đoạn văn em vừa viết ở phần viết kết nối có thể coi là một văn bản không? Vì sao?

Dự kiến:

**Câu 1.**

Bằng chứng cụ thể để khẳng định *Trái Đất - cái nôi của sự sống* là một văn bản:

- *Trái Đất - cái nôi của sự sống* có các yếu tố: Nhan đề, đề mục các phần (5 phần), có 5 đoạn văn và bức tranh minh họa cho nội dung văn bản.

- Văn bản được triển khai theo quan hệ nguyên nhân - kết quả.

- VB *Trái Đất - cái nôi của sự sống* có chứa đựng thông điệp ý nghĩa rõ ràng và tất cả các thông tin đều tập trung vào vấn đề chính.

**Câu 2.** Đoạn văn em vừa viết ở phần viết kết nối có thể coi là một văn bản ngắn vì: (HS đặc điểm của VB như phần tri thức ngữ văn)

**- GV kết nối**: Chúng ta đã được đọc hiểu rất nhiều VB. Vậy VB có đặc điểm và chức năng như thế nào? Khi nói và viết, để tăng hiệu quả cho việc diễn đạt, ngoài vốn ngôn từ phong phú, chúng ta cần chú ý hình thành các kĩ năng xây dựng văn bản và đoạn văn phù hợp với ngữ cảnh và mục đích giao tiếp. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ nhận biết được đặc điểm, chức năng của văn bản và đoạn văn.

**HOẠT ĐỘNG 2: I. Nhắc lại lí thuyết**

**a**. **Mục tiêu**: **TV- GQVĐ**

HS củng cố lại kiến thức về đặc điểm, chức năng của văn bản, đoạn văn

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc nhóm, kĩ thuật trình bày 1 phút, để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Văn bản**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS hoạt động hình thức cặp đôi chia sẻ:  - VB có những đặc điểm gì?  Kể tên những loại VB mà em biết?  **- Học sinh tiếp nhận và thực hiện**.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, trao đổi với bạn bên cạnh, rồi sau đó thống nhất thống nhất ý kiến  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  - Phần phân loại VB có thể GV chỉ giúp để HS tiếp cận dần  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **Nhiệm vụ 2: Đoạn văn**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS hoạt động hình thức cá nhân:  *- Thế nào là đoạn văn? Nêu đặc điểm hình thức để nhận diện một đoạn văn?*  *- VB em vừa học gồm mấy đoạn văn? Nhờ vào những dấu hiệu nào mà ta nhận biết được một đoạn văn nói chung hay phân biệt đoạn văn này với đoạn văn khác? Có phải đoạn văn nào trong VB cũng đảm nhiệm một chức năng giống nhau không? Theo em có thể gọi là “đoạn văn quan trọng” và “đoạn văn thứ yếu” không?*  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, trả lời nhanh  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **I. Nhắc lại lí thuyết**  **1. Văn bản:**  **a. Ví dụ:**  **b. Đặc điểm của văn bản:**  - Là một đơn vị giao tiếp có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức;  - Tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói.  - Dùng để trao đổi thông tin trình bày suy nghĩ, cảm xúc, chứa thông điệp ý nghĩa…  **c. Loại văn bản**: có nhiều cách phân loại VB như:  - *Dựa vào chức năng giao tiếp* có VB nghị luận, VB văn học, VB thông tin.  - *Dựa vào tình đa dạng của phương tiện, phương thức truyền tải thông tin* có: VB thông thường, VB đa phương thức.  - *Dựa vào hình thức xuất hiện* có: VB viết, VB nói.  **2. Đoạn văn trong văn bản:**  **a. Đặc điểm:**  - Đoạn văn là bộ phận quan trọng của văn bản, có sự hoàn chỉnh tương đổi về ý nghĩa và hình thức, gồm nhiều câu (có khi chỉ có một câu) được tổ chức xoay quanh một ý nhỏ.  - Đoạn văn bắt đầu bằng chữ cái viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng một dấu chấm câu.  **b. Chức năng đoạn văn trong văn bản:**  - mở đầu văn bản  - trình bày một khí cạnh nào đó của nội dung chính  - kết thúc văn bản hoặc mở rộng liên kết vấn đề. |

**HOẠT ĐỘNG 3: II. Thực hành**

**a**. **Mục tiêu**: **TV- GQVĐ**

- Thực hành các bài tập ở trong và ngoài VB ở SHS để nắm vững đặc điểm hình thức và chức năng của trạng ngữ trong câu; nhận ra những câu có trạng ngữ và giá trị biểu đạt của chúng.

- Biết thêm trạng ngữ cho câu.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, nhóm qua trò chơi Ai nhanh hơn, hoàn thành bài tập vào các phiếu học tập số 1

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bài 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HOẠT ĐỘNG NHÓM, KĨ THUẬT BỂ CÁ**  GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 1, trang 8, nêu yêu cầu của bài  HS tiếp nhận nhiệm vụ:  *Qua văn bản “Trái Đất – cái nôi của sự sống”, em hãy nêu những bằng chứng cụ thể để khẳng định nó là một văn bản?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc lại VB, suy nghĩ, tìm đặc điểm của văn bản này để cho thấy nó là một văn bản.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  **Bài 2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS hoạt động theo hình thức chia sẻ nhóm đôi  *Liệt kê những bộ phận cấu tạo của văn bản* “*Trái Đất – cái nôi của sự sống”?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc lại VB, chỉ ra các bộ phận của VB.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Kết luận, nhận định** về các bộ phận cấu tạo của VB thông tin. Những phần nào bắt buộc không thể thiếu trong tạo lập VB nói chung (các đoạn văn)  **Bài 3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS hoạt động theo hình thức cá nhân:  *Nhắc lại những thôn tin, thông điệp mà em tiếp nhận được từ văn bản Trái Đất - cái nôi của sự sống.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc lại VB, chỉ ra các thôn tin quan trọng, Và thông điệp của VB. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **Bài 4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS hoạt động theo hình thức nhóm bàn:  Chọn một đoạn văn trong VB *Trái Đất- cái nôi của sự sống*  và điền thông tin cần thiết vào bảng sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Thứ tự đoạn văn trong văn bản | Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn | Ý chính của đoạn văn | Chức năng của đoạn văn trong văn bản | |  |  |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS lựa chọn đoạn văn bất kì, rồi thực hiện các yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Gv nhấn mạnh mỗi đoạn văn có chức năng khác nhau trong VB. | **Bài 1/trang 81:** Các bằng chứng cụ thể để khẳng định “*Trái Đất – cái nôi của sự sống”* là một văn bản:  - Hoàn chỉnh về nội dung và hình thức.  - Tồn tại ở dạng viết.  - VB dùng để trao đổi thông tin: Tác giả đã nêu ra 5 đề mục có các thông tin tới người đọc như vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời, vai trò của nước, sự sống của sinh vật trên Trái Đất và hiện trạng Trái Đất.  - Qua văn bản, tác giả trình bày suy nghĩ, cảm xúc của mình: suy nghĩ về trách nhiệm của loài người trước hiện trạng của Trái Đất hiện nay.  **\* Bài 2/trang 81**  Các bộ phận cấu tạo của văn bản “*Trái Đất – cái nôi của sự sống”*:  - Nhan đề: *Trái Đất – cái nôi của sự sống*  - Sa-pô: Vì sao Trái Đất …. Bảo vệ Trái Đất?  - Đề mục:  + Trái Đất trong hệ Mặt Trời.  + “Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất.  + Trái Đất – nơi cư ngụ của muôn loài.  + Con người trên Trái Đất.  + Tình trạng Trái Đất hiện nay ra sao?  - Các đoạn văn:  - Tranh minh hoạ:  **Bài 3/ trang 81**  \* Những thông tin từ văn bản *Trái Đất- cái nôi của sự sống*:  - Trái Đất là hành tinh duy nhất trong hệ mặt trời có sự sống  - Nhờ có nguồn nước trên Trái Đất, sự sống trên Trái Đất mới bắt đầu  - Sinh vật, con người chung sống phát triển trên Trái Đất  - Trái Đất hiện đang đối mặt với những vấn đề và thách thức khác nhau bắt nguồn từ con người.  \* Thông điệp mà em nhận được từ văn bản *Trái Đất- cái nôi của sự sống* : Con người cần có những suy nghĩ nghiêm túc và hành động tích cực để bảo vệ hành tinh xanh. Đó là vấn đề cần thiết và cấp bách.  **Bài 4/trang 82**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Thứ tự đoạn văn trong văn bản | Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn | Ý chính của đoạn văn | Chức năng của đoạn văn trong văn bản | | Đoạn 4 (Con người trên Trái Đất) | Điểm mở đầu: Đỉnh cao kì diệu của sự sống trên Trái Đất chính là con người; Điểm kết thúc: Nhưng đáng buồn …và phát triển của mọi sự sống trên Trái Đất | Tác động tích cực và cả tiêu cực của con người vừa cải tạo, vừa gây tổn thương Trái Đất. | Làm rõ nét thêm nội dung của văn bản: Trái Đất là cái nôi của sự sống, và cần được bảo vệ. | |

Hướng dẫn học ở nhà:

- Nắm vững đặc điểm của văn bản thông tin (phần tri thức ngữ văn); đọc hiểu được *“Trái Đất- cái nôi của sự sống”;* Hoàn chỉnh đoạn văn về ***để hành tinh xanh mãi xanh***

- Thực hành tiếng Việt: làm đủ bài tập còn lại, đọc trước và dự kiến cho các bài tập trong SGK phần thực hành tiếng Việt trang86: Từ mượn

- Chuẩn bị: đọc, tìm hiểu VB *Các loài sống chung với nhau như thế nào?*

Tiết:…..

**Văn bản 2: Các loài sống chung với nhau như thế nào?**

**(Ngọc Phú)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết được vai trò quan trọng của số liệu và hình ảnh của một văn bản thông tin.

- Nhận biết được mối quan hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.

- Hiểu được tầm quan trọng của việc xây dựng ý thức cùng chung sống với nhau trên hành tinh này.

- Nhận biết và phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn và thực tế sử dụng từ mượn hiện nay.

- Hình thành nguyên tắc sử dụng từ mượn, sử dụng từ mượn trong nói, viết và rộng ra hơn là trong giao tiếp xã hội.

**2. Về phẩm chất**

- Nhân ái, tôn trọng và biết hòa hợp với thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh, phim tài liệu liên quan đến ý nghĩa của VB: cuộc sống của các loài sinh vật trên dòng sông Zamberi ở châu Phi

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Đọc hiểu VB: *Các loài chung sống với nhau như thế nào?***

**1.1 Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về VB *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*

**b. Nội dung hoạt động:** trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

* **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** GV cho HS xem bộ phim khoa học về huyền thoại sông Zamberi - tập 1 từ từ phút thứ1-hết phút 2 và phút 7,8,9 của bộ phim đường link:[https://youtube.com/watch?v=NUPill5f-fQ&feature=share](https://l.facebook.com/l.php?u=https%3A%2F%2Fyoutube.com%2Fwatch%3Fv%3DNUPill5f-fQ%26feature%3Dshare%26fbclid%3DIwAR1Y0LP_a-Ho2B_qnJ0TL2AIK-VpzXqLaLiDfsEtOtIMwSITB5yqrv6xKPQ&h=AT0l7PeqgDcz0X-hWskoZsPQhoTuZs2k5lqHuOIGBDa1Fi8pw-E6Lg276J90CyvtSeEFsSK3PawPa425nYdeG7vY0Me6aHhGVPSfx398jfxsCcUSjkBS5vF3FJvtazosKPRRL1b_CArqXj-kdAszDQ) Chương trình Thế giới động vật (kênh VTV2)



1. *Đoạn phim vừa xem có nhan đề là gì?*
2. *Đoạn phim đề cập vấn đề gì?*
3. *Em ấn tượng như thế nào về cuộc sống muôn vật muôn loài nơi đây?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân, phản xạ nhanh trước các câu hỏi, và trả lời ngẫu hứng.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV dẫn dắt kết nối vào bài học: Như các em đã học ở VB 1 cuộc sống của vạn vật trên Trái Đất vô cùng phong phú. Các em vừa được xem một đoạn phim khoa học về cuộc sống của các loài vật ở vùng sông Zamberi, dòng sông huyền thoại, là một trong 4 con sông lớn nhất châu lục cổ đại Châu Phi. Sự sống của các loài vật ở khu vực con sông đi qua đã cho chúng ta thấy sự phong phú, và tính trật tự trong đời sống muôn vật muôn loài. Để tìm hiểu rõ hơn về VB thông tin, tiết học này chúng ta cùng tìm hiểu khám phá những thông tin về sự đa dạng và trật tự của các loài vật trên Trái Đất và đặc biệt là vai trò của con người ở đó như thế nào qua VB “*Các loài sông chung với nhau như thế nào?”*

**1.2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Mục I. Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu**: **Đ1,** **Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được phương thức biểu đạt chính, bố cục của VB *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*

**b. Nội dung hoạt động**:

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**   1. **GV hướng dẫn cách đọc**: đọc to, rõ ràng, nhấn mạnh chú ý âm lượng, tốc độ, sự biểu cảm khi đọc...chú ý đọc đúng tên riêng tiếng nước ngoài, từ mượn.   - GV đọc mẫu 1 đoạn.  - Gọi 3 HS lần lượt đọc - GV nhận xét, sửa chữa cách đọc của HS.  - Tìm hiểu chú thích SGK: *quần xã, biome, kí sinh, yếu tố vô sinh…*  **(2)** *+ Ai là tác giả của VB? VB được trích từ đâu?*  *+ Văn bản thuộc thể loại gì?*  *+ Văn bản chia làm mấy phần? Nêu ý chính của từng phần.*  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** | **I. Đọc văn bản**  **1. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó  ( SGK-T83- 84)  **2. Tìm hiểu chung**  **a.** **Xuất xứ**:  - Tác giả: Ngọc Phú  - Trích từ Báo Điện tử *Đất Việt*- Diễn đàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kĩ thuật Việt Nam, tháng 9/2020  **b. Thể loại: VB thông tin**  **c. Bố cục:** VB có 8 đoạn văn, chia làm 3 phần  - **Phần 1:** Từ đầu đến *“rất dễ bị tổn thương của nó*” **Phần mở đầu** – đoạn văn 1  - **Phần 2:** **Nội dung chính**: tiếp theo đến “*thế giới đẹp đẽ này.” – Đoạn văn số 2 đến số 7*  + Sự đa dạng của các loài- đoạn 2,3,4  + Tính trật tự trong đời sống muôn vật muôn loài- đoạn 5,6  + Vai trò của con người đối với sự sống trên Trái Đất- đoạn 7  - **Phần 3:** **Kết thúc**- đoạn 8 |

**Mục II. Khám phá văn bản**

***1. Phần mở đầu***

**a. Mục tiêu**: **Đ1,** **Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

- HS nhận biết được cách giới thiệu thông tin chủ đề mà VB đề cập

- Hiểu được tình cấp thiết của vấn đề đời sống của muôn loài trên Trái Đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó.

- Bước đầu nắm được cách tạo nên sức hấp dẫn của VB thông tin.

**b. Nội dung hoạt động**:

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| HS thực hiện hoạt động theo hình thức cá nhân:  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV cho HS theo dõi phần 1 của văn bản.  *Tác giả đã giới thiệu chủ đề của VB bằng cách nào? Hiệu quả nghệ thuật được tạo ra nhờ cách giới thiệu đó là gì?*  *Theo em, đây có phải là điều đáng quan tâm hiện nay không? Vì sao?*  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Tổ chức cho HS suy nghĩ, trả lời cá nhân  + GV quan sát, khích lệ HS.  Gợi mở: *dùng lời kể để giới thiệu vấn đề sẽ có tác dụng như thế nào cho VB thông tin?*  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** | - Cách mở đầu VB: kể lại cuộc hội thoại ngắn giữa hai nhân vật trong bộ phim hoạt hình nổi tiếng *Vua sư tử*.  => Tác dụng: giới thiệu vấn đề đời sống của muôn loài trên Trái Đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó. Đây là một vấn đề cấp thiết, có ý nghĩa toàn cầu vì con người đã can thiệp vào nhiều thiên nhiên.  + tạo hấp dẫn, giàu sắc thái cảm xúc, đã làm “mềm” đi sự khô khan thường có của VB thông tin, gợi nhiều suy nghĩ liên tưởng. |

**2. Thông tin về loài vật sống chung với nhau trên Trái Đất.**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

- Nhận biết và phân tích được cách triển khai VB theo trình tự quan hệ nhân quả.

- Hiểu được mối quan hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.

- Hiểu được tầm quan trọng của việc xây dựng ý thức cùng chung sống với nhau trên hành tinh này.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Số lượng các loài sinh vật | | Ý nghĩa |
| tồn tại trên thực tế | Tổng:........................................ | - Nhận xét về độ chênh các con số:................................................ ...  ........................................................  - Ý nghĩa: .........................................................  ......................................................... |
| đã được nhận biết | Tổng:......................................  - Động vật:..............................  - Thực vật:............................... |

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các căn cứ | Biểu hiện của tính trật tự trong đời sống muôn loài | Dẫn chứng |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Ý (a) Hướng dẫn tìm hiểu *Sự đa dạng của các loài*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Thảo luận nhóm, kĩ thuật think-piar- share**  **-** Những con số, dữ liệu nào trong đoạn (2) (*Theo ước tính....lẫn nhau của muôn loài*) về các loài sinh vật trên Trái Đất (điền theo phiếu số 1 ). Những con số, dữ liệu ấy nói lên điều gì?  -Đoạn (3) *(Các loài động vật...riêng từng loài)* đã nói gì về sự đa dạng của quần xã sinh vật? (Quần xã là gì? Em hãy quan sát bức tranh trang 84, hãy chỉ ra quần xã sinh vật trong bức tranh? *Số lượng các loài ở mỗi quần xã có giống nhau không? Chúng phụ thuộc vào điều gì?*  *? Kể về một du lịch sinh thái hay khu bảo tồn thiên nhiên mà em biết. Ở đó em thấy các loài sinh vật nào và chúng sống với nhau ra sao?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc  **GV**: Dự kiến: CH gỡ khó: tác giả đã dùng những số liệu nào? Sự chênh lệch giữa các con số nói lên điều gì?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Số lượng các loài sinh vật | | Ý nghĩa | | tồn tại trên thực tế | 1.400.000 | Sinh vật đa dạng và phong phú … | | đã được nhận biết | - Động vật: 1.000.000  - Thực vật: 300.000 |   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày, chia sẻ.  - Hướng dẫn HS chia sẻ ý kiến cá nhân (nếu cần).  **HS** - Chia sẻ ý kiến cá nhân - theo dõi quan sát, nhận xét, bổ sung....  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** | **a. Sự đa dạng của các loài**   \* Những con số, dữ liệu  - con số chỉ số lượng loài sinh vật tồn tại trên thực tế trên 10.000.000 loài sinh vật, bao gồm cả thực vật và động vật.  - con số chỉ số lượng loài sinh vật đã được nhận biết khoảng 1.400.000 loài. Trong đó, có trên 300.000 loài thực vật và hơn 1.000.000 loài động vật  => Sự chênh lệch rất lớn giữa con số chỉ số lượng loài sinh vật tồn tại trên thực tế và con số chỉ số lượng loài sinh vật đã được nhận biết  => Ý nghĩa:  + **thể hiện sự phong phú của các loài trên Trái Đất.**  + Con người chưa khám phá hết số lượng các loài trên Trái Đất.  + Giữa các loài có sự phụ thuộc lẫn nhau.  **\* Sự đa dạng của quần xã sinh vật:**  + Mỗi quần xã sinh vật là một thế giới riêng, không giống với các quần xã khác.  + Trong nội bộ từng quần xã, có những cái riêng của nhiều loài cùng sinh sống.  + Sự đa dạng ở mỗi quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố. |
| Ý (b) Hướng dẫn tìm hiểu phần Thông tin chính **Tính trật tự trong đời sống muôn vật muôn loài.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc đoạn văn 5:  GV hướng dẫn HS thực hiện **kĩ thuật khăn trải bàn,** hoàn thành nhiệm vụ học tập số 2 Thời gian: 10 phút  - Chia lớp ra làm 3 nhóm hoặc 6 nhóm: **Phiếu học tập số 2**  Kĩ thuật "Khăn trải bàn"  **Câu 1*: N****êu những căn cứ giúp ta hiểu được tính trật tự trong đời sống của muôn loài. Theo em việc thiên nhiên duy trì trật tự ấy có ý nghĩa như thế nào?*  **Câu 2:** *Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng, sự cân bằng trong từng quần xã sinh vật sẽ bị ảnh hưởng ra sao?*  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận. CH tháo gỡ kk + Khi tính trật tự bị phá vỡ thì kịch bản nào có thể xảy ra?  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.  ***C:\Users\Admin\Documents\Zalo Received Files\z2978641747628_cc019b6562f6d4b497f055808345b195.jpg*** | **b. Tính trật tự trong đời sống muôn vật muôn loài.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các căn cứ** | **Biểu hiện của tính trật tự trong đời sống muôn loài** | **Dẫn chứng** | | Tính chất của loài trong quần xã | - Loài ưu thế | cây thông trong quần xã rừng thông | | - Loài chủ chốt | như sư tử ở các đồng cỏ hay cá sấu ở đầm nước châu Phi. | | Sự phân bố của các loài trong không gian sống | * - Theo chiều thẳng đứng: | sự phân tầng của thực vật trong rừng mưa nhiệt đới | | * - Theo chiều ngang: | * trải ra theo bề rộng của địa hình | | Mối quan hệ giữa các loài | * Quan hệ hỗ trợ: | gắn liền chia sẻ cơ hội sống | | - Quan hệ đối kháng: | cạnh tranh, kí sinh, ăn thịt lẫn nhau. |   **\* Ý nghĩa:**  => Việc duy trì trật tự trong đời sống muôn loài sẽ giúp duy trì cân bằng sinh thái  - Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng, sự cân bằng trong đời sống của các loài sinh vật trong một quần xã ngay lập tức sẽ bị phá vỡ.  - Nếu quan hệ hỗ trợ luôn tồn tại bên cạnh quan hệ đối kháng thì mọi thứ đạt đến sự cân bằng, vạn vật đều có cơ hội sống |
| Tìm hiểu thông tin về **: Vai trò của con người đối với sự sống trên Trái Đất.Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đọc tiếp đoạn (7) trong văn bản và trả lời câu hỏi:  *+ Những bước tiến vượt bậc của nhân loại có ảnh hưởng đến cuộc sống của muôn loài không? Ảnh hưởng như thế nào?*  **+** Con người có thể làm gì để bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc cá nhân  **GV**: **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày, chia sẻ.  - Hướng dẫn HS chia sẻ ý kiến cá nhân (nếu cần).  **HS** - Chia sẻ ý kiến cá nhân - theo dõi quan sát, nhận xét, bổ sung....  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của HS. | **c. Vai trò của con người đối với sự sống trên Trái Đất.**  - Con người cũng là một loài sinh vật, có khả năng sáng tạo, tự kiêu, coi mình là chúa tể thế giới   * Hành động của con người tác động xấu đến muôn loài: tuỳ ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hoá gây dựng   => Đời sống muôn loài bị xáo trộn, phá vỡ do chịu tác động xấu từ con người.  => Vì vậy con người cần tỉnh ngộ, biết cách chung sống hài hoà với muôn loài để xây dựng lại cuộc sống bình yên vốn có trước đây của TĐ. |

***3. Phần kết thúc.***

**a. Mục tiêu**: **Đ1,** **Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

- HS nhận biết được đoạn văn kết thúc và hiệu quả của cách kết thúc mở

- Hiểu được tình cấp thiết của vấn đề đời sống của muôn loài trên Trái Đất

- Bước đầu nắm được cách tạo nên sức hấp dẫn của VB thông tin.

**b. Nội dung hoạt động**:

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| HS thực hiện hoạt động theo hình thức cá nhân:  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV cho HS theo dõi phần 3 của văn bản.  + *Đoạn văn thứ (8) đã đề cập đến vấn đề gì?*  *+ Theo em, cách mở đầu và kết thúc của văn bản có gì đặc sắc?*  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS suy nghĩ, trả lời cá nhân  *+ Nếu bỏ đi đoạn mở và đoạn kết, chất lượng của VB thông tin này sẽ bị ảnh hưởng như thế nào ?*  *Định hướng: nếu bỏ đoạn đầu và kết thúc của VB trở nên khô khan thường có của VB thông tin. Đoạn kết giàu sắc thái biểu cảm, gợi nhiều liên tưởng, cảm xúc, trăn trở cho người đọc.*  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** | - Tác giả trích dẫn lại cuộc thoại giữa vua sư tử với Xim- ba trong phim *Vua sư tử*  => Tác dụng: Tạo ra sự kết nối với mở đầu VB, gợi nhiều liên tưởng, suy ngẫm, tạo sức hấp dẫn cho VB  - Suy ngẫm: Con người cần hiểu và có cách ứng xử đúng đắn với muôn loài trên Trái Đất. |

**Mục III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung của VB “*Các loài chung sống với nhau như thế nào?”*

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời học tập của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ: thảo luận trong bàn trong 03 phút**  **+** Nêu những nét hấp dẫn của VB thông tin*Các loài chung sống với nhau như thế nào?*  + Từ đó VB, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì?  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Tổ chức cho HS thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | **1. Nghệ thuật**  - Kết hợp chữ viết với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động  - Thông tin chính xác, khoa học về các loài vật trên Trái Đất thông qua các số liệu  - Trình tự trình bày thông tin  theo trình tự nhân quả  - Cách mở đầu - kết thúc văn bản có sự thống nhất, hỗ trợ cho nhau tạo nên nét đặc sắc, độc đáo cho VB.  **2. Nội dung**  - Văn bản đề cập đến vấn đề sự đa dạng của các loài vật trên Trái Đất và trật tự trong đời sống muôn loài.  - VB đã đặt ra cho con người vấn đề cần biết chung sống hài hoà với muôn loài, để bảo tồn sự đa dạng của thiên nhiên trên Trái Đất. |

**1. 3. Hoạt động 3: V. Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**:

**c. Sản phẩm:** Khả năng trình bày ý kiến của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ: thảo luận trong bàn trong 03- 5 phút**  *Câu 1. Con người có thể làm gì để bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật?*  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Tổ chức cho HS thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức, cho điểm các nhóm.. | **Câu 1:** Bảo vệ môi trường sống của các sinh vật.  - Nghiêm cấm các hành vi săn bắt trái phép các sinh vật…  - Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường như hạn chế sả thải túi ni lông và rác thải nhựa; trồng thêm nhiều cây xanh, …  - Tuyên truyền đến mọi người nâng cao ý thức ý thức bảo vệ môi trường… |

**1.4. Hoạt động 4: Vận dụng: Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối nhân vật với cảm xúc của HS.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  [Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D), kĩ thuật công não.  Câu 2: Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) với chủ đề: *Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài đều cần thiết cho nhau.*  CH gợi mở: Em có đồng ý với quan điểm đó không? Vì sao? Đoạn văn em viết nhằm mục đích thuyết phục người đọc điều gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhanh câu 1,2  Câu 3 suy nghĩ độc lập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS bày tỏ quan điểm câu 1,2  **-** HS nêu ý tưởng về đoạn văn  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần). | **Câu 2: Viết kết nối:** Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) với chủ đề: *Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài đều cần thiết cho nhau*.  \* Tìm ý  - Nội dung đoạn văn: Đưa ra ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để khẳng định mối quan hệ gắn bó và tác động qua lại giữa muôn loài.  *- Tại sao trên hành tinh này, muôn loài đều cần thiết cho nhau?*  *+ Muôn vật muôn loài: là tất cả sinh vật trên hành tinh này.*  *+ Các nhà khoa học đều khẳng định tồn tại sự phụ thuộc giữa muôn vật, muôn loài, dù chúng là những quần xã riêng, có đặc điểm riêng.*  *+ Trật tự giữa muôn vật muôn loài được thể hiện phong phú nhưng đều cùng* sinh sống, cùng phát triển, ràng buộc lẫn nhau *dù trong quan hệ đối kháng hay hỗ trợ.*  *+ Hãy tôn trọng thiên nhiên và có ý thức xây dựng mối quan hệ gần gũi, gắn bó với thiên nhiên chính là con người đang bảo vệ chính mình.*  \* Dàn ý:  - *Mở đoạn*: nêu chủ đề: *Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài đều cần thiết cho nhau*  *- Thân đoạn:* Hệ thống lí lẽ em dùng để thuyết phục *muôn loài đều cần thiết cho nhau*  *- Kết đoạn:* Mỗi người cần nâng cao ý thức bảo vệ thiên nhiên, biết cách chung sống với muôn vật, muôn loài.  \* Hình thức đoạn văn. |

**Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | **Tiêu chí** | Có | Không |
| 1 | Đảm bảo đúng chủ đề *Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài đều cần thiết cho nhau* |  |  |
| 2 | Lí lẽ, dẫn chứng có đủ sức thuyết phục về sự cần thiết sống phải hòa hợp với muôn loài |  |  |
| 3 | Có thông điệp về việc bảo vệ các loài vật trên Trái Đất |  |  |
| 4 | Câu văn diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu, có cảm xúc |  |  |
| 5 | Có hình thức đoạn văn, độ dài là 5-7 câu |  |  |

**Tiết: …….**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Hoạt ðộng 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để nhận biết về từ mượn

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: *Thảo luận trong bàn trong 3 phút:***

Cho các từ: *radio, vô tuyến, ti vi, gia đình, facebook, ma-ket-ting, gia tộc, hải quân, hải đăng, cao tốc*

- Hãy xếp vào hai nhóm từ sau: **Phiếu học tập số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Từ mượn tiếng Hán | Từ mượn các ngôn ngữ khác |
|  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS trao đổi trong bàn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi đại diện một số bàn báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm:

|  |  |
| --- | --- |
| Từ mượn tiếng Hán | Từ mượn các tiếng Châu Âu |
| *vô tuyến, gia đình, gia tộc, hải quân, hải đăng, cao tốc* | *radio, ti vi, facebook, ma-ket-ting* |
|  |  | |

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

**- GV kết nối, dẫn vào bài mới**: Từ các ví dụ trên các em thấy, trong tiếng Việt của chúng ta có một bộ bận không nhỏ từ mượn. Hiện tượng mượn từ cũng là hiện tượng của tất tất cả các ngôn ngữ trên thế giới. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về từ mượn, đặc biệt là từ mượn tiếng Hán. Làm thế nào để nhận biết từ mượn, hiểu được nghĩa của từ và sử dụng mượn phù hợp?

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a**. **Mục tiêu**: **TV- GQVĐ**

Nắm được các khái niệm và cách sử dụng từ mượn

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu từ mượn**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát ví dụ: Quan sát từ đi trong hai ví dụ và cho biết nhóm từ nào là từ mượn tiếng Hán, từ mượn tiếng Châu Âu. GV cho HS bắt cặp để chia sẻ nhận định về nguồn gốc từ.  - Gv nêu tiếp yêu cầu: từ đó em hãy rút *từ mượn là gì? Tại sao chúng ta phải mượn từ? Khi dùng từ mượn cần lưu ý điều gì?*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ:  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  GV khái quát từ các ví dụ để rút ra tri thức tiếng Việt về từ mượn. Nói đến từ mượn là nói đến nguồn gốc của từ.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2: Từ mượn tiếng Hán**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát, theo dõi phần tri thức tiếng Việt mục Yếu tố Hán Việt. HS nhận biết các yếu tố Hán Việt trong hai ví dụ:  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Từ những yếu tố Hán Việt: hải (biển), thủy (nước), em hãy tạo ra các từ Hán Việt, giải nghĩa từ đó?  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2   |  |  | | --- | --- | | Yếu tố Hán Việt | Từ Hán Việt | | *Hải (biển)* | *Hải đăng,…….* | | *Thủy (nước)* | *Thủy nông, …….* | | *Gia (nhà)* | *Gia tộc,…..* |   Từ đó em hãy rút ra yếu tố Hán Việt có vai trò như thế nào trong việc tạo từ?  - HS thực hiện nhiệm vụ THẢO LUẬN THEO NHÓM BÀN  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ:  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Lí thuyết**  **1.** **Từ mượn** .  **a. Ví dụ**:  + tác phẩm, văn học, sứ giả, hòa bình,...=> Từ mượn tiếng Hán  + *(nhà) ga, xà phòng, mùi soa, pa nô, áp phích,...=>* Từ mượn tiếng Pháp  + mít tinh, ti vi,...=> Từ mượn tiếng Anh  **b. Khái niệm:**  - Như bất kì ngôn ngữ nào khác, tiếng Việt mượn nhiều từ của tiếng nước ngoài để làm giàu cho vốn từ của mình.  - Mượn từ là một cách để phá triển vốn từ. Tuy nhiên để bảo vệ sự trong sáng của ngôn ngữ tiếng Việt, không nên lạm dụng từ mượn gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe, người đọc.  **2. Từ mượn tiếng Hán**  - Từ mượn trong tiếng Việt có một bộ phận lớn các từ mượn tiếng Hán gọi là từ Hán Việt.  **- Ví dụ:**   |  |  | | --- | --- | | Yếu tố Hán Việt | Từ mượn tiếng Hán | | Hải (biển) | *Hải đăng, hải sản, hải lãnh, hải quân, hải lí, hải phận…* | | Thủy (nước) | *Thủy nông, thủy quái, thủy sản, thủy lợi, thủy canh, thủy văn, thủy cung...,* | | Gia (nhà) | *Gia tộc, gia đình, gia phả, gia sản, gia nhân, …* | |

**Hoạt động 3: Thực hành tiếng Việt**

**a**. **Mục tiêu**: **TV- GQVĐ**

- HS thực hành về từ mượn, cách sử dụng từ mượn cho hiệu quả, tránh lạm dụng từ mượn.

- Biết giải nghĩa từ Hán Việt, và từ mượn gốc Châu Âu, phân biệt được từ mượn đã được Việt hóa, và từ mượn chưa được Việt hóa hoàn toàn.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, hoàn thành bài tập vào phiếu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Thực hành bài tập 1 ý a,b**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Bài tập 1/Tr 86 **Đọc đoạn văn trong SHS và thực hiện yêu cầu: Thảo luận nhóm bàn**  a. Trong đoạn văn trên có nhiều từ là từ mượn, chẳng hạn*: kế hoạch, phát triển, công nghiệp, băng, ô-dôn, không khí, ô nhiễm,* ... Theo em, từ nào được vay mượn từ tiếng Hán, từ nào được vay mượn từ tiếng Anh? Vì sao em xác định như vậy?   |  |  | | --- | --- | | Từ mượn tiếng Hán | Từ mượn tiếng Anh | |  |  |   b. Trong các từ mượn như công nghiệp, băng, Ô-dôn, ô nhiễm, từ nào gây cho em cảm giác về từ mượn rõ nhất? Vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ, thảo luận nhóm theo nhiệm vụ.  |  |  | | --- | --- | | Từ mượn tiếng Hán | Từ mượn tiếng Anh | | *kế hoạch, phát triển, công nghiệp, không khí, ô nhiễm* | *băng, ô-dôn* |  * GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số HS phát biểu.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  - Hs cần phân biệt từ mượn tiếng Hán và từ mượn tiếng Châu Âu; từ mượn đã được Việt hóa hoàn toàn và chưa được Việt hóa hoàn toàn  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Bài tập 1.c /Tr 86 **Đọc đoạn văn trong SHS và thực hiện yêu cầu:**  **GV cho HS thi trò chơi: Tiếp sức.** GV chia lớp làm 2 đội thi với nhau, mỗi đội xếp 1 hàng, lần lượt cử thành viên đội mình lên bảng và viết ra cách từ, giải nghĩa từ, các thành viên nối tiếp nhau. Đội nào nhanh, viết được nhiều từ, giải nghĩa đúng thì ghi 1 điểm. Sau 7 phút. Đội nào ghi nhiều điểm sẽ chiến thắng  c. Các yếu tố như *không, nhiễm* không chỉ xuất hiện trong *không khí, ô nhiễm* mà còn được dùng để tạo nên nhiều từ khác mà chúng ta vẫn sử dụng hằng ngày. Hãy kể thêm một số từ có những yếu tố ấy và giải thích ý nghĩa của chúng. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, thực hiện theo hiệu lệnh của GV về thời gian cuộc thi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số HS phát biểu.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).  **2. Bài tập 2/ trang 86**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Hình thức cá nhân  Qua việc thực hiện các yêu cầu ở bài tập 1, em rút ra nhận xét gì về đặc điểm của vốn từ tiếng Việt?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, trả lời nhan  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số HS phát biểu.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).  **Bài tập 3/ trang 86:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Hình thức cặp đôi chia sẻ  Hãy diễn đạt lại câu văn sau đây theo hướng thay thế từ mượn bằng từ quen thuộc hoặc dễ hiểu hơn vốn đã có từ lâu trong vốn từ tiếng Việt:  *Các fan cuồng thực sự phấn khích, hân hoan khi thấy idol của mình xuất hiện trên cửa chiếc chuyên cơ vừa đáp xuống phi trường.*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | từ mượn | Từ thay đổi | | 1 |  |  | | 2 |  |  | | 3 |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ, thảo luận nhóm theo nhiệm vụ. * GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số HS phát biểu.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | **II.Thực hành**  **1. Bài tập 1/ trang 86**  a.  - Các từ vay mượn tiếng Hán: *kế hoạch, phát triển, công nghiệp, không khí, ô nhiễm*  => Các từ này có cách đọc và hình thức chính tả giống từ thuần Việt, có tính chất khái quát về nghĩa.  - Các từ vay mượn tiếng Anh: *băng, ô-dôn*  => *băng* là từ mượn đã được Việt hóa hoàn toàn  *ô-dôn* là từ có gạch nối giữa các âm tiết gây ấn tượng về từ mượn rõ nhất  b.  - Từ ô-dôn cho em cảm giác từ mượn rõ nhất.  - Vì từ ngữ này có phần gạch nối rất dễ nhận biết.  c. Một số từ có yếu tố *không:*   |  |  | | --- | --- | | Từ có yếu tố *không* | Nghĩa của từ | | *Không trung* | Chỉ khoảng không gian ở trên cao | | *Không gian* | hình thức tồn tại cơ bản của vật chất (cùng với thời gian), trong đó các vật thể có độ dài và độ rông, chiều cao | | *Không quân* | Từ chỉ một quân chủng (trong quân đội) hoạt động trên không nhằm bảo vệ vùng trời của một quốc gia | | *Không tưởng* | Chỉ sự viển vông, không thiết thực hoặc việc khó thức hiện |   \* Một số từ có yếu tố *không, nhiễm:*   |  |  | | --- | --- | | Từ có yếu tố *nhiễm* | GIải nghĩa của từ | | *lây nhiễm* | Chỉ sự lan truyền của bệnh hoặc của một thói xấu nào đó từ người này, sang người khác. | | *miễn nhiễm* | Chỉ trạng thái hay khả năng tránh được sự lây nhiễm | | *truyền nhiễm* | Sự lây lan của dịch bệnh hay tính chất có thể lây lan của dịch bệnh | | *nhiễm khuẩn* | Chỉ tình trạng một sinh vật bị vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể |     **2. Bài tập 2/ trang 86:**  Qua việc thực hiện các yêu cầu ở bài tập 1, em rút ra nhận xét gì về đặc điểm của vốn từ tiếng Việt?  Qua việc thực hiện các yêu cầu trên, em rút ra nhận xét về đặc điểm của vốn từ tiếng Việt: tiếng Việt có vốn từ đa dạng và phong phú. Trong đó có từ mượn và từ thuần Việt. Từ mượn được vay mượn từ nhiều ngôn ngữ khác, vay mượn nhiều của tiếng Hán, tiếng Pháp, tiếng Anh. Chính sự vay mượn ngôn ngữ này, làm giàu thêm vốn từ tiếng Việt.    **Bài tập 3/ trang 86:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | từ mượn | Từ thay đổi | | 1 | fan (cuồng) | người hâm mộ | | 2 | Idol | thần tượng | | 3 | Chuyên cơ | máy bay | | 4 | Phi trường | sân bay |   Thay đổi: *Những người hâm mộ thực sự phấn khích, hân hoan khi thấy thần tượng của mình xuất hiện trên cửa chiếc máy bay vừa đáp xuống sân bay.* |

**Hướng dẫn tự học ở nhà:**

* HS hoàn thiện các bài tập ở Vb2 *Các loài sống chung với nhau như thế nào*? và Thực hành Tiếng Việt.
* Đọc VB 3 : “*Trái Đất”* (Ra- xun Gam-da-tốp)

**Văn bản 3: TRÁI ĐẤT**

**– *RA- XUN GAM – DA- TỐP* –**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết được sự khác nhau căn bản giữa văn bản văn học với văn bản thông tin, ngay cả khi chúng cùng hướng về một chủ đề.

- Nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ

**2. Về phẩm chất**

- Xây dựng ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái Đất- ngôi nhà chung của tất cả chúng ta.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh về nhà thơ Ra-xun gam-da-tốp và bài thơ Trái Đất

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về VB, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS nghe, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** GV trao đổi với HS:

GV mở video hoặc bắt nhịp cho HS cùng hát bài hát “Trái Đất này là của chúng mình” của nhạc sĩ Trương Quang Lục.

Trong bài hát, Trái Đất được ví von là gì? Em còn biết những cách ví von nào khác về Trái Đất không? Hãy chia sẻ?

Vì sao có các điểm nhìn khác nhau trong cách nhìn về cùng một đối tượng?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

HS chia sẻ, Gv kết nối vào bài: Có nhiều cách nhìn và nghĩ về Trái Đất. Dù nhìn ở góc nhìn nào chúng ta cũng đều nhận thấy: Trái Đất được chính là ngôi nhà chung của muôn vật, muôn loài, Trái Đất cần được bảo vệ, giữ gìn. Việc Trái Đất đang bị chính con người hủy hoại, và đã gây vô vàn tổn thương nghiêm trọng như cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, cây cối và động vật hoang dã bị hủy diệt, ….Dưới góc nhìn của một nhà thơ, Gam-da-tốp đã bộc lộ những trăn trở, cảm xúc gì trước hiện thực ấy. VB “*Trái Đất*” sẽ giúp các em hiểu được cảm xúc và cách nhìn nhân văn của nhà thơ

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. ĐỌC VĂN BẢN**

**I. Đọc, tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: **Đ1,** **Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được xuất xứ, thể loại, bố cục của VB của VB truyện cùng chủ đề với 2 VB trước.

**b. Nội dung hoạt động**:

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm theo bàn.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | ***Có*** | ***Không*** |
| Đọc rõ ràng, trôi chảy, không sai từ, hay bỏ từ |  |  |
| Âm lượng đọc đảm bảo trong không gian lớp học đủ nghe |  |  |
| Tốc độ đọc phù hợp, không nhanh, không chậm |  |  |
| Giọng đọc thể hiện rõ cảm xúc của nhà thơ: có đau thương, phẫn nộ, có xót xa, dịu dàng |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *Yêu cầu: Tác giả của bài thơ Trái Đất là ai?Hãy giới thiệu đôi nét về ông?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS dựa vào phần chuẩn bị ở nhà để tổng hợp nhanh kiến thức.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhiệm vụ 1: GV hướng dẫn cách đọc**: (chiếu bảng kiểm kĩ năng đọc để HS thực hiện việc đọc.  Đọc rõ ràng, rành mạch, thể hiện rõ giọng điệu thích hợp, có đau thương, phẫn nộ, có xót xa, dịu dàng. Chú ý hệ thống đại từ nhân xưng được sử dụng trong bài.  - GV đọc mẫu một lần. Sau đó gọi 2-3 HS đọc.  - HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS đọc VB  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV- nhận xét cách đọc của HS.  **Nhiệm vụ 2: tìm hiểu chung về bài thơ:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + văn bản có xuất xứ như thế nào? Giới thiệu nét chính về văn bản như: thể loại, phương thức biểu đạt chính?  + Chủ đề của bài thơ là gì?  **+** Nêu bố cục của văn bản.  **CẶP ĐÔI CHIA SẺ**  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | **I. Đọc văn bản**  **1. Tác giả:**  tải xuống  Ra-xun Gam-da-tốp (1923 - 2003)  - Quốc tịch: Người dân tộc Avar, nước Cộng hòa Đa-ghe-xtan, thuộc Liên Bang Nga.  - Thơ ông tràn đầy tình yêu với quê hương, con người, sự sống và hướng tới việc xây đắp tình hữu nghị giữa các dân tộc.  - Các tác phẩm chính: *Năm tôi sinh, Mùa xuân Ða-ghe-xtan, Trái tim tôi trên núi, Những ngôi sao xa, Ða-ghe-xtan của tôi*  **2. Tác phẩm**  **a. Đọc**  **b. Xuất xứ**: Bài thơ *Trái Đất* viết năm 1967 bằng tiếng Avar. Bản dịch ra tiếng Việt của Minh Tâm được thực hiện dựa trên bản dịch tiếng Nga của Na-um Grep-nhi-ốp.  **c. Thể loại**: thơ trữ tình  - PTBĐ chính: Biểu cảm  - Nhân vật trữ tình: “tôi”- tác giả  **d. Chủ đề:** tình yêu với Trái Đất và khẳng định sự cần thiết chung tay bảo vệ Trái Đất ngôi- nhà chung của chúng ta  **e. Bố cục:** Văn bản có 8 câu thơ chia làm 2 khổ  - Khổ 1: Bốn câu đầu: thái độ của nhà thơ đối với những kẻ đang hủy hoại Trái Đất  - Khổ 2: Bốn câu sau: thái độ của nhà thơ đối với Trái Đất |

**II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN:**

**1. Khổ 1**: **Bốn câu đầu: Thái độ của nhà thơ đối với những kẻ đang hủy hoại Trái Đất**

**a. Mục tiêu**: **Đ1,** **Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

- Nhận biết các cách ứng xử ðối với Trái ðất ðược nhắc tới trong khổ thơ, tìm ðược ðiểm chung của cách ứng xử đó.

- Hiểu được thái độ, cảm xúc của nhà thơ **với** bọn hủy hoại Trái Đất

**b. Nội dung hoạt động**:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi, trao đổi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Phiếu học tập số 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những cách hành xử của con người đối với Trái Đất** | | **Thái độ của tác giả đối với chúng** |
| Cách nhìn nhận về Trái Đất:  …………………………….  ……………………………  …………………………… | Hành động  ……………………….  ………………………. | * Cách xưng hô: …………..   ……………………………   * Thái độ:   ……………………………  ………………………….. |
| **Điểm chung:** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HS hoạt động nhóm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  *+ Những cách hành xử nào đối với Trái Đất được nhắc tới trong khổ thơ?*  *+ Chúng có điểm chung gì với nhau?*  *+ Thái độ của tác giả đối với chúng là gì?*  *+ Vì sao em có thể nhận ra thái độ ấy?*  HS thực hiện nhiệm vụ bằng phiếu học tập số 1  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS theo dõi VB phần 1, tìm thông tin  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  + Cách kẻ xấu nhìn nhận Trái Đất → So sánh: "là quả dưa", "như quả bóng trên sân" tạo sự liên tưởng đến hành động xâm chiếm, mua bán, …đối với Trái Đất.  + Hành động: "bổ", "cắn", "giành giật", "lao vào", "đá" → Động từ mạnh, điệp từ nhấn mạnh tính chất thô bào, vô nhân đạo với Trái Đất.  => Khổ thơ khẳng định Trái Đất đang bị hủy hoại và tâm trạng bực bội, thái độ căm ghét, lên án của nhà thơ với bọn người xấu. | \* **Những cách hành xử của con người đối với Trái Đất**  + Cách nhìn nhận về Trái Đất:  Xem là quả dưa: bổ, cắn thành muôn mảnh nhỏ.  Xem như quả bóng trên sân: giành giật, lao vào đá.  + Hành động: bổ, cắn, giành giật, lao vào, đá, đá  **Điểm chung:** Đều muốn độc chiếm Trái Đất, nghĩa là muốn phá hủy ngôi nhà chung của chúng ta. Trái Đất bị biến thành miếng mồi để bọn người xấu xâm chiếm, khai thác, giành giật.  **\* Thái độ của tác giả đối với chúng:**  + Được tác giả gọi là "bọn", "lũ".  ➩ Thái độ tác giả căm phẫn, khinh bỉ, lên án với những kẻ hủy hoại Trái Đất    IMG_0101 |

**2. Khổ 2: Thái độ của nhà thơ đối với Trái Đất**

**a. Mục tiêu**: **Đ1,** **Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

- Nhận biết, hiểu được thái độ của nhà thơ với Trái Đất

- Nhận biết được hình ảnh, ngôn ngữ giọng điệu của nhà thơ khi bày tỏ quan điểm, cảm xúc của mình về tình trạng Trái Đất hiện nay.

**b. Nội dung hoạt động**:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi, kĩ thuật đặt câu hỏi, thảo luận theo nhóm, kĩ thuật "**XYZ"**

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân, phiếu học tập số 2,3

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhà thơ đã hình dung Trái Đất** | **Xưng hô** | **Hành động** |
| **Trái Đất chẳng là............**  **...................................**  **...................................** | **............................**  **............................**  **...........................** | **...................................................**  **...................................................**  **....................................................** |
| **=> Thái độ của nhà thơ với Trái Đất:**  **.................................................................................................................................**  **................................................................................................................................** | | |

**Phiếu học tập số 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sự khác nhau giữa các cách hình dung về Trái Đất | Thực trạng Trái Đất | Trái Đất trong cảm xúc của nhà thơ |
|  |  |
| Cách cư xử với Trái Đất |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **(1) Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Thảo luận theo nhóm, kĩ thuật "**XYZ".** **Ví dụ kĩ thuật 422 thực hiện. (Kĩ thuật 622 (XYZ)** Mỗi nhóm 6 ng­ười, mỗi ng­ười viết 2 ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 2 phút về cách giải quyết câu hỏi và tiếp tục chuyển cho ngư­ời bên cạnh)  *+ Nhà thơ đã hình dung Trái Đất , đã xưng hô ra sao và đã làm gì? (GV phát phiếu học tập số 2)*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận, trao đổi nội dung thông tin cần điền trong phiếu HT số 2.  GV quan sát, hôc trợ HS nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm  **-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).  **(2) Bước 1: GV giao nhiệm vụ- Hình thức cá nhân.**  + *Nhìn/nghĩ về Trái Đất nhà thơ đã thấy những gì? Trong văn học, thậm chí trong đời sống các hình ảnh “máu”, “nước mắt” thường được dùng với ngụ ý gì?*  *+ Nhắc đến “máu” và “nước mắt” nhà thơ nghĩ đến tình trạng nào của Trái Đất?*  + Thái độ của nhà thơ đối với Trái Đất?  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**HS suy nghĩ, trả lời  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trình bày suy nghĩ  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **(3) Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** HS thảo luận cặp đôi chia sẻ: Phiếu học tập số 3:  + *Chỉ ra sự khác nhau giữa các cách hình dung về Trái Đất và thái độ cư xử với Trái Đất được thể hiện trong bài thơ?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhanh  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm  **-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).  **GV đối chiếu để làm nổi bật tình cảm và cách cư xử nhân văn, hiểu biết của nhà thơ với Trái Đất.** | - Hình dung của tác giả:  + "chẳng là dưa, là bóng". → Từ phủ định, điệp từ "là".  + "khuôn mặt thân thương".  Với nhà thơ, Trái Đất giống như một con người có xúc cảm (có tâm trạng, nỗi khổ đau), và là một số phận đau khổ (có gương mặt thân thương)   * Xưng hô: “Trái Đất!” được gọi là “người” cách xưng hô tôn kính– nhân hóa Trái Đất như một con người, tác giả đã tưởng tượng, hư cấu ra một cuộc đối thoại giữa mình và Trái Đất, để tâm sự, chia sẻ…   - Hành động:  + "**lau**" nước mắt, "xin đừng khóc nữa".  + "**Rửa** máu sạch", "**hát**", "dịu dàng".   * **Nhìn, nghĩ về Trái Đất, nhà thơ nghĩ đến “nước mắt” và “máu”**   + Hình ảnh ẩn dụ để nói đến trước tình trạng Trái Đất bị hủy hoại, giành giật, khai thác… quá mức khiến Trái Đất bị tổn thương nghiêm trọng.  => **Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất:**  đau xót, lo lắng, ưu tư, vỗ về những tổn thương, đau đớn mà Trái Đất đang gánh chịu.  **\* Những cách hình dung và thái độ cư xử với Trái Đất:**   |  |  | | --- | --- | | Thực trạng Trái Đất | Trái Đất trong cảm xúc của nhà thơ | | * Trái Đất được nhìn nhận như vật sở hữu, một vật vô tri, vô giác * Là miếng ăn, miếng mồi | * Trái Đất được hình dung như một con người, có cảm xúc, vừa là số phân đau khổ * Trái Đất là đối tượng cần được chia sẻ, yêu thương | | =>Trái Đất đang bị đối xử thô bạo, thiếu hiểu biết | => Cách cư xử nhân văn, hiểu biết |   =>tình yêu của nhà thơ với Trái Đất- ngôi nhà chung của chúng ta. |

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của bài thơ *Trái Đất*

**b.Nội dung-** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Phiếu học tập số 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** thảo luận nhóm bàn để trả lời câu hỏi:  + *Bài thơ Trái Đất của Ra-xun Gam-da-tốp vẫn có được sự độc đáo, sức hấp dẫn riêng. Theo em, những gì đã tạo nên sự độc đáo, sức hấp dẫn riêng ấy?*  *+ Qua bài thơ, nhà thơ Gam-da-tốp muốn khẳng định điều gì? Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và thống nhất câu trả lời).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**   - Thể loại thơ dễ dàng bộc bạch thái độ, cảm xúc  - So sánh, miêu tả sinh động: hình ảnh Trái Đất với hình ảnh cụ thể, sinh động (quả dưa, quả bóng, khuôn mặt thân thương)  - Hình ảnh thơ có sức gợi tả, lay động mạnh mẽ “lau nước mắt”, “rửa sạch máu”.  – Giọng thơ trò chuyện, đối thoại, giàu cảm xúc.  **2. Nội dung, ý nghĩa:**  - Thực trạng Trái Đất đang bị con người xâu xé, độc chiếm, hủy hoại, gây tổn thương nghiêm trọng.  - TÌnh yêu Trái Đất và khao khát muốn bảo vệ, nâng niu, giữa gìn vẻ đẹp và sự bình yên cho ngôi nhà chung của loài người. |

**3. Hoạt động 3: IV. Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm về bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhanh  Câu 1:Hãy tìm ra đặc điểm chung về mặt nội dung giữa bài thơ của Ra-xum Gam-da-tốp với hai văn bản T*rái Đất - cái nôi của sự sống* và *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*  Câu 2: *Cùng đưa ra một thông điệp giống nhiều văn bản khác, nhưng bài thơ Trái Đất vẫn có sự độc đáo, hấp dẫn riêng. Theo em, những gì đã tạo nên sự độc đáo, hấp dẫn riêng đó?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhanh, trình bày quan điểm, so sánh về nội dung, hình thức của 3VB ở bài 9, chú ý nhấn mạnh nét đặc sắc của bài thơ Trái Đất  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**   * HS bày tỏ quan điểm * HS khác nghe, bổ sung nếu cần   **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần). | Câu 1: Tìm ra điểm giống nhau về ý nghĩa được đặt ra qua 3 VB đã dọc trong bài 9.  Gợi ý:  - Dù khác nhau về thể loại nhưng cả 3 VB đều hướng tới chủ đề đều  + thể hiện tình yêu đối với Trái Đất - hành tinh xanh, nơi sinh sống của muôn loài.  + Thực trạng về việc con người đang ngày một phá hủy môi trường sống của mình.  + Đặt ra vấn đề nhức nhối, cấp bách đó là Trái Đất liệu không biết chịu đựng được đến bao giờ. Từ đó, dấy lên hồi chuông thức tỉnh về trách nhiệm bảo vệ Trái Đất của mỗi con người chúng ta.  Câu 2:   |  |  | | --- | --- | | Văn bản thông tin | Văn bản trữ tình | | - Kết hợp chữ viết với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động  - Thông tin chính xác, khoa học, thông qua các số liệu về đối tượng.  - Trình tự trình bày thông tin  theo trình tự nhân quả.  - Bố cục phần rõ ràng | - Hình tượng độc đáo, tình cảm sâu sắc, liên tưởng, so sánh bất ngờ thú vị.  - Giọng thơ trò chuyện, đối thoại tâm tình với Trái Đất  - Ý nghĩa triết lí thâm trầm, sâu sắc. | |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối VB với cảm xúc của HS.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, những việc cần làm khi các em rơi vào tình huống như nhân vật.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV thực hiện **kĩ thuật trình bày 1 phút**.  *Theo em để cùng "lau nước mắt", "rửa sạch máu" cho Trái Đất, mỗi người chúng ta cần phải làm gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhanh, có 1 phút để trình bày quan điểm, cách làm của mình  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS bày tỏ quan điểm  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa (nếu cần). | **Câu 3: Theo em để cùng "lau nước mắt", "rửa sạch máu" cho Trái Đất, mỗi người chúng ta cần phải:**  - Trồng và bảo vệ cây xanh.  - Hạn chế sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật.  - Rút các loại phích cắm điện khỏi ổ cắm, tránh lãng phí điện năng.  - Sử dụng sản phẩm tái chế, giảm sử dụng túi ni lông.  - Sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện cho gia đình.  - Hạn chế sử dụng bao bì ni lông và rác thải nhựa.  Không có mô tả. |

**Hướng dẫn tự học ở nhà:**

* HS hoàn thiện các bài tập ở Vb3 *Trái Đất*
* Để tuyên truyền đến mọi người nâng cao ý thức bảo vệ Trái Đất em sẽ dùng hình thức nào: Viết vb thông tin, làm thơ; vẽ tranh, làm dự án (sử dụng chai lọ nhựa tái chế để làm chậu hoa…)
* Đọc và chuẩn bị nội dung cho phần viết: Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận; Tóm tắt sơ đồ nội dung một biên bản đơn giản

**Tiết**....

**Viết**

**A. Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận**

**B. Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Hiểu được cấu trúc của một biên bản.

- Nắm được các yêu cầu về hình thức và nội dung của một biên bản

- Biết viết một biên bản đúng quy cách.

- Nhận thức được tầm quan trọng của kĩ năng tóm tắt VB phục vụ cho nhu cầu tiếp nhận tri thức, tích lũy tài liệu và biết tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc.

**2. Về phẩm chất**

- Biết lắng nghe, trân trọng ý kiến của người khác, tôn trọng sự thật trong khi trình bày.

- Trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Nhớ lại một cuộc họp, hay một cuộc thảo luận, một vụ việc mà các em đã từng tham gia, chứng kiến. Em hãy chia sẻ đôi nét về sự kiện đó?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Dự kiến câu trả lời:** HS có thể chia sẻ về thời gian, địa điểm, sự kiện chính của cuộc họp, hay một cuộc thảo luận, một vụ việc mà HS được tham gia...

*GV dẫn dắt vài bài:*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**A. VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN**

**I. Tìm hiểu chung về biên bản**

**a. Mục tiêu**:

- Hiểu được mục đích, yêu cầu của việc viết biên bản

-Hiểu yêu cầu đối với kiểu biên bản

**b. Nội dung**: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| * 1. **Tìm hiểu chung về biên bản**   **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS đọc Biên bản bàn về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày Chủ nhật xanh” (SGK /trang 89)  *+ Biên bản là gì?*  *+ Tại sao người ta phải cân nhắc khi chọn người viết biên bản?*  *? Hãy nêu số tình huống mà em thấy cần viết biên bản?*  *? Nội dung thông tin được trình bày trong biên bản cần đảm bảo điều gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: nhận xét sản phẩm, bố sung**  GV hướng dẫn HS hiểu rõ từng yêu cầu của biên bản  **Bước 4: Chuẩn kiến thức:** về yêu cầu đối với  **(2) Tìm hiểu thể thức của biên bản thông thường**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** HS trao đổi trong bàn và thống nhất quan điểm  GV hướng dẫn HS đọc phần chữ xanh **thể thức của biên bản thông thường**  (SGK /trang 88)  *Từ những gì được trình bày trong phần vừa đọc, em hãy nêu những tiêu chuẩn mà một biên bản một cuộc họp, một cuộc thảo luận cần phải đảm bảo?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức cho HS trao đổi, để thông nhất tiêu chuẩn về biên bản:  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: nhận xét sản phẩm, bố sung**  GV hướng dẫn HS hiểu rõ từng yêu cầu của biên bản  **Bước 4: Chuẩn kiến thức:** | **1. Biên bản là gì?**  **a. Ví dụ:** Biên bản bàn về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày Chủ nhật xanh” (SGK /trang 89)  **b. Kết luận:**  - Biên bản là một loại văn bản nhật dụng, dùng để ghi chép về một cuộc họp, cuộc thảo luận hay một vụ việc, giúp ta nắm bắt được đầy đủ, chính xác nội dung sự việc đã diễn ra. - Nó được lưu lại như một hồ sơ, lúc cần được đưa ra như bằng chứng để đánh giá một vụ vệc, vấn đề nào đó.  - Biên bản đòi hỏi được viết đúng thể thức, theo một quy cách riêng.  **2. Thể thức của biên bản thông thường**  - Đầu biên bản, phía bên phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên cơ quan chức năng có nhiều nhiệm vụ tổ chức cuộc họp, cuộc thảo luận hay xử lí vụ việc.  - Dưới từ "Biên bản", ghi khái quát vấn đề mà cuộc họp, cuộc thảo luận cần giải quyết hay nội dung của vụ việc cần xử lí, làm thành tên gọi của biên bản.  - Ghi thời gian và địa điểm diễn ra cuộc họp, cuộc thảo luận, xử lí vụ việc,....  - Ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, người thư kí.  - Ghi diễn biến của cuộc họp, cuộc thảo luận hay xử lí vụ việc với các nội dung cụ thể, theo dùng thực tế đã diễn ra (bao gồm các ý kiến tường trình, phát biểu và kết luận).  - Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lí vụ việc.  - Người chủ trì và thư kí (tùy trường hợp, có thể thêm người làm chứng) kí tên. |

**II. Đọc và phân tích biên bản tham khảo**

**a. Mục tiêu**: HS tham khảo một bài viết cụ thể để rút ra các thao tác cơ bản để thực hiện bài viết của mình, tạo ý tưởng cho bài viết của mỗi HS.

**b. Nội dung**: HS trả lời các câu hỏi qua việc phân tích, chắt lọc kiến thức SGK,HS thảo luận nhóm khăn trải bàn

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời trong phiếu học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Phiếu học tập số 1.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Nhóm 1,2** | **Nhóm 3,4** |
| **Nhiệm vụ** | **Câu 2.** Vì sao biên bản phải có tên gọi và phải ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí?  **Câu 3.**Khi làm biên bản, nội dung nào cần được ghi chi tiết, cụ thể hơn cả? | **Câu 4.**Vì sao cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí? **Câu 5**. Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm gì dễ nhận biết? |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giới thiệu hướng dẫn HS đọc tìm hiểu biên bản tham khảo  - GV yêu cầu HS đọc VB,  **Câu 1.**Nêu nhận xét chung về việc tuân thủ thể thức biên bản trong văn bản trên. Thảo luận theo phiếu học tập  Sau đó cho HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn (\*). Thời gian 8 phút  Phiếu học tập số 1 - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu cần)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  **-** Biên bản có tên gọi và ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí (vì Biên bản sẽ được lưu lại như một hồ sơ với tính chất quan trọng, cần thiết, lúc cần được đưa ra như một bằng chứng để chứng minh, đánh giá tính xác thực của vấn đề).  - Nội dung được ghi chi tiết, cụ thể diễn biến cuộc họp, cuộc thảo luận.  - Cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí (vì đây là bằng chứng quan trọng chứng minh tính xác thực của biên bản) | **1. Biên bản** bàn về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày Chủ nhật xanh” (SGK /trang 89)    **2. Phân tích:**  **-** Biên bản có tên gọi và ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí  - Nội dung được ghi chi tiết, cụ thể diễn biến cuộc họp, cuộc thảo luận.  - Cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí  - Ngôn ngữ của biên bản mang phong cách ngôn ngữ hành chính, ngắn gọn, đơn nghĩa, dễ hiểu, súc tích. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**III. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được mục đích viết biên bản, dự kiến người đọc tiềm năng (thầy, cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **(1)HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn đề tài cho bài viết của mình  *Trước khi viết biên bản, em có cần tìm hiểu về nội dung, mục đích của cuộc họp không? Tại sao?*  *Khi chuẩn bị viết, người viết biên bản có thể ghi trước các mục, các phần cơ bản của một biên bản mục như thế nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS suy nghĩ câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày ý tưởng. HS khác và GV nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ**  (2)HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN  GV hướng dẫn HS lập viết theo các gợi ý SGK- HS hoạt động cá nhân 20p  - Hướng dẫn HS chỉnh  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:**  - Viết biên bản một cuộc thảo luận/ cuộc họp là ghi lại tại chỗ những gì đang diễn ra ngay trong thời điểm ấy. Trong trường hợp này em đang thực hiện một bài tập thực hành nên biên bản có thể được viết sau cuộc thảo luận/ cuộc họp, dựa trên những tư liệu được lưu giữ, hoặc những gì mà em nhớ lại, về cuộc thảo luận/ cuộc họp này. | **Đề bài:** *Giả sử trong một cuộc thảo luận nhóm (hoặc một cuộc họp lớp), em được giao nhiệm vụ làm thư kí. Hãy viết biên bản cuộc thảo luận (hoặc cuộc họp) ấy.*  **Bước 1. Trước khi viết**  **a) Tìm hiểu nội dung, mục đích cuộc thảo luận/ cuộc họp:**  - Cuộc họp tiến hành ở đâu, vào thời gian nào?  - Thành phần tham dự là ai? Ai điều hành cuộc thảo luận/ cuộc họp?  - Các nội dung sẽ bàn luận là gì?  - Dự kiến biên bản sẽ có các phần, tên biên bản, …  **b) Chuẩn bị viết biên bản**: người viết biên bản có thể ghi trước các mục, các phần cơ bản của một biên bản.  **Bước 2. Viết biên bản.**  - Lắng nghe các ý kiến trong cuộc thảo luận và ghi lại trung thực các ý kiến ấy theo trình tự thời gian.  - Nội dung, diễn biến của cuộc thảo luận/ cuộc họp thuộc phần chính của biên bản, cho nên cần chú ý ghi kĩ những ý dưới đây:  - Chủ tọa phát biểu về mục đích, nội dung chính cuộc thảo luận/ cuộc họp.  - Các thành viên tham dự phát biểu, trao đổi ý kiến.  - Chủ tọa phát biểu tổng kết. |

**Bước 3: Chỉnh sửa và đọc lại biên bản cho các thành viên dự họp nghe.**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố lại các các yêu cầu của bài viết, tự sửa lại bài (nếu cần thiết)

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với thể thức của một biên bản  - HS tự chữa bài mình theo bảng hướng dẫn.  - Tạo nhóm để HS đọc và chữa bài cho nhau ( HĐ nhóm, kĩ thuật giải quyết vấn đề: để HS tìm ra cái đã biết, cái chưa biết trong nhiệm vụ viết, tạo nên ý thức tìm hiểu làm rõ vấn đề)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**HS x*em lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS báo cáo kết quả thảo luận.  + Các nhóm nhận xét.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  **Chuẩn kiến thức** về yêu cầu  +HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  + tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV ( Theo bảng)  GV chọn một số bài để nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm chung cho cả lớp. Lưu ý không nên nêu tên HS để khen, chê trước lớp. | ***Bước 3: Chỉnh sửa và đọc lại biên bản cho các thành viên dự họp nghe.***  **a. Kiểm tra lại biên bản dựa theo những gợi ý sau:(**Bảng kiểm biên bản)  **b. Đọc lại và điều chỉnh:**  Trong cuộc thảo luận hoặc cuộc họp, thư kí đọc lại biên bản cho mọi thành viên tham dự nghe và điều chỉnh những chỗ ghi chép chưa rõ, chưa sát, chưa đúng với ý kiến người phát biểu (nếu có) trước khi cuộc thảo luận kết thúc. Đối với bài tập thực hành biên bản, em tự chỉnh sửa hoặc đọc cho một vài bạn nghe để nhận được sự góp ý  **\* HS chữa bài cho nhau** |

Bảng kiểm biên bản

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu đối với biên bản** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| Biên bản có quốc hiệu, tiêu ngữ, tên cơ quan chức năng tổ chức cuộc họp. |  |
| Biên bản có tên phù hợp với nội dung cuộc họp |  |
| Ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự. |  |
| Ghi lần lượt diễn biến chính của cuộc họp, các ý kiến phát biểu của từng người theo đúng trình tự diễn ra. |  |
| Phần cuối ghi rõ thời gian kết thúc cuộc họp, họ tên, chữ kí của thư kí và chủ tọa. |  |
| Ngôn ngữ của biên bản chính xác, ngắn gọn, không làm cho người đọc hiểu lầm ý người nói. |  |
| Biên bản có được trình bày khoa học, hài hòa, rõ ràng. |  |

**Hoạt động 4: Vận dụng:**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố lại các các yêu cầu của bài viết, rèn kĩ năng viết biên bản

**b. Nội dung**: Luyện đề cụ thể theo dàn ý.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý cho đề bài theo các bước đã được học.**  - Xác định kiểu bài? Tên và nôi dung của biên bản cần viết. Hình dung ra thành phần tham dự, người chủ trì cuộc họp, thành viên. Và những ý kiến về việc hạn chế sử dụng bao bì ni lông và rác thải nhựa?  - Phần tìm ý em sẽ thực hiện những nội dung gì?  - Tạo nhóm để HS đọc và chữa bài cho nhau (HĐ nhóm, kĩ thuật giải quyết vấn đề: để HS tìm ra cái đã biết, cái chưa biết trong nhiệm vụ viết, tạo nên ý thức tìm hiểu làm rõ vấn đề)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**HS x*em lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS báo cáo kết quả thảo luận.  + Các nhóm nhận xét.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  **Chuẩn kiến thức** về yêu cầu  +HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  + tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV ( Theo bảng)  GV chọn một số bài để nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm chung cho cả lớp. Lưu ý không nên nêu tên HS để khen, chê trước lớp. | **Đề bài:** *Giả sử trong một cuộc họp lớp thảo luận về giải pháp hạn chế sử dụng bao bì ni lông và rác thải nhựa. Em được giao nhiệm vụ làm thư kí. Hãy viết biên bản cuộc thảo luận (hoặc cuộc họp) ấy.*  **Bước 1. Trước khi viết**  **a) Tìm hiểu nội dung, mục đích cuộc thảo luận/ cuộc họp:**  - Cuộc họp tiến hành ở lớp em, vào thời gian nào?  - Thành phần tham dự là ai? (cô giáo chủ nhiệm và các thành viên trong lớp  Ai điều hành cuộc thảo luận/ cuộc họp?  - Diễn biến cuộc thảo luận, nội dung sẽ lớp sẽ bàn luận là gì? (giải pháp hạn chế sử dụng bao bì ni lông và rác thải nhựa  - Dự kiến biên bản sẽ có các phần cơ nào  **b) Chuẩn bị viết biên bản**: người viết biên bản có thể ghi trước các mục, các phần cơ bản của một biên bản.  **Bước 2. Viết biên bản.**  - Lắng nghe các ý kiến trong cuộc thảo luận và ghi lại trung thực các ý kiến ấy theo trình tự thời gian.  Nội dung, diễn biến của cuộc thảo luận/ cuộc họp thuộc phần chính của biên bản, cho nên cần chú ý ghi kĩ những ý dưới đây:  - Chủ tọa phát biểu về mục đích, nội dung chính cuộc thảo luận/ cuộc họp (Ví dụ bạn lớp trưởng đứng lên tổ chức thảo luận  - Các thành viên tham dự phát biểu, trao đổi ý kiến ( các giải pháp cụ thể ra sao)  - Chủ tọa phát biểu tổng kết. |

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN THẢO LUẬN CHỦ ĐỀ “HẠN CHẾ SỬ DỤNG BAO BÌ**

**NI LÔNG VÀ CHẤT THẢI NHỰA”**

Thời gian bắt đầu:….giờ ngày…tháng…năm….

Địa điểm: Lớp….trường THCS….

Thành phần tham gia: Giáo viên chủ nhiệm, …đội viên chi đội…và bạn…- Liên đội trưởng.

Chủ trì:… - Lớp trưởng.

Thư kí: … - Lớp phó học tập.

**Nội dung sinh hoạt**

(1) Lớp trưởng … đứng lên tổ chức cả lớp thảo luận về chủ đề “Hạn chế sử dụng bao bì ni lông và chất thải nhựa”.

Về hoạt động thảo luận đưa ra ý kiến:

Sau khi hoạt động thảo luận, tổ trưởng các tổ đưa ra ý kiến và được tổng hợp lại như sau:

1. Hạn chế tối đa việc sử dụng các sản phẩm nhựa, túi nilon tại đơn vị, thay bằng sản phẩm hữu cơ, sử dụng nhiều lần.

2. Sử dụng quy trình xử lí rác thải “giảm thiểu- tái sảu dụng - tái chế”.

3.  Tổ chức thu hồi túi ni lông để tái chế.

4.  Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng.

5. Phía địa phương hỗ trợ xây dựng một hệ thống thu gom, tái chế, tái sử dụng túi ni lông.

(2) Ý kiến của một số cá nhân bổ sung:

1. Tổ chức các chương trình thu gom rác thải, sáng tạo, tái sử dụng những rác thải không sử dụng nữa trở thành những đồ vật hữu ích.

2. Bổ sung thùng chứa rác tại các vị trí sản xuất, phân loại rác có thể tái chế với rác thải hữu cơ, dễ phân hủy tại nguồn phát thải.

3. Tổ chức ra quân thu gom rác thải nói chung và rác thải nhựa nói riêng.

Chủ tọa phát biểu tổng kết.

Buổi sinh hoạt kết thúc lúc …. ngày… tháng… năm…

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÍ** | **CHỦ TỌA** |

**Nơi nhận:**

Lưu: Hồ sơ chi đội.

**B. TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN**

### I. Yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản

**a. Mục tiêu**:

- Hiểu được mục đích, yêu cầu của việc tóm tắt nội dung một văn bản đã đọc bằng sơ đồ

- Rèn luyện được khả năng nắm bắt nhanh những thông tin chủ yếu của văn bản, bao quát tốt mối quan hệ giữa các bộ phận (các đoạn) trong văn bản

**b. Nội dung**: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| * 1. **Tìm hiểu chung về biên bản**   **HOẠT ĐỘNG: Thảo luận theo bàn**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** *GV hướng dẫn HS đọc mục Ý nghĩa của việc tóm tắt VB bằng sơ đồ ; Yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản trong SHS trang 91* HS trao đổi trong bàn và thống nhất quan điểm  *? Một bản tóm phải như thế nào để có thể được gọi là đạt/tốt?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức cho HS trao đổi, để thông nhất tiêu chuẩn về biên bản:  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: nhận xét sản phẩm, bố sung**  GV hướng dẫn HS hiểu rõ từng yêu cầu của biên bản  **Bước 4: Chuẩn kiến thức:** | - Làm nổi bật được nội dung chủ yếu của văn bản.  - Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản.  - Bảo đảm tính trực quan, thẩm mĩ, gây được ấn tượng tích cực về mặt thị giác để có thể hỗ trợ cho trí nhớ. |

**II. Đọc và phân tích bản tóm tắt tham khảo**

**a. Mục tiêu**: HS tham khảo một bài viết cụ thể để rút ra các thao tác cơ bản để thực hiện bài viết của mình, tạo ý tưởng cho bài viết của mỗi HS.

**b. Nội dung**: HS trả lời các câu hỏi qua việc phân tích, chắt lọc kiến thức SGK.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giới thiệu hướng dẫn HS đọc tìm hiểu bài tham khảo. Hình thức thảo luận đôi  - **HS:** Tự xem lại văn bản *Trái đất* - *cái nôi của sự sống*GV nêu vấn đề thảo luận:  + *Là người đã đọc, đã học văn bản”****Trái Đất – cái nôi của sự sống****”, em thấy bản tóm tắt này đã phản ánh đúng những gì được đề cập trong văn bản chưa?*  *+ Đối chiếu với các yêu cầu được xác định ở trên, bản tóm tắt đã bộc lộ được những ưu điểm và nhược điểm gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu cần)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | *1. Tham khảo sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản Trái Đất - cái nôi của sự sống* https://hoc24.vn/source/V%C4%83n6/2021-05-15%20(1).png  **2. Phân tích:**  - Ưu điểm:  + Phản ánh đúng những nội dung chính  + Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản.  + Bảo đảm tính trực quan, thẩm mĩ.  - Nhược điểm:  + Mỗi nội dung cần cụ thể chi tiết hơn.  Ví dụ:  - “*có nước”* có thể thay bằng: *“nước- vị thần hộ mệnh của sự sống trên Trái Đất*.  - *“Con người- đỉnh cao của sự sống*” nên thay bằng: “*Con người và những tác động gây tổn thương cho Trái Đất*”  - Thiếu ý *Tình trạng của Trái Đất hiện nay ra sao?* |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**III. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được mục đích viết bản tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản, dự kiến người đọc tiềm năng (thầy, cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| 1. **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**   **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS suy nghĩ để xác định các thao tác khi tóm tắt văn bản bằng sơ đồ:   * *Trước khi tóm tắt, em cần xác định được điều gì?*   (nội dung cốt lõi và hệ thống ý)  GV hướng dẫn HS đọc mục **1. Trước khi tóm tắt**  *+ Nêu những điều em còn băn khoăn, những đề xuất, sáng kiến của em?*  *+ HS chọn một VB đơn giản đã học để tóm tắt bằng sơ đồ nội dung VB đó*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS suy nghĩ câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu các thao tác của quy trình tóm tắt VB trong SHS.  + HS dự kiến sản phẩm: HS tóm tắt VB  + GV quan sát, hỗ trợ trong suốt quá trình tóm tắt.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày ý tưởng. HS khác và GV nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ**  (2)**Viết:** HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN  GV hướng dẫn HS lập viết theo các gợi ý SGK- HS hoạt động cá nhân 20p  - Hướng dẫn HS chỉnh  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** | **Đề bài:** ***Hãy lựa chọn một văn bản có nội dung đơn giản mà em đã học, và hãy tóm tắt bằng sơ đồ nội dung văn bản đó.***  **Bước 1. Trước khi viết**  **1. Trước khi tóm tắt**  - **Xác định đúng nội dung cốt lõi** của văn bản và **hệ thống ý** triển khai nội dung đó.  - **Lựa chọn từ khóa** phản ánh nội dung cốt lõi và các ý triển khai đã xác định được.  - **Xác định mối liên hệ** giữa các từ khóa.  **Ví dụ:** Khi tóm tắt quan niệm của vua sư tử Mu-pha-sa về "vòng đời bất tận" (trong đoạn đầu văn bản Các loài chung sống với nhau như thế nào?), em cần thực hiện các bước sau:  a. Xác định nội dung cốt lõi của đoạn văn: những mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau giữa các loài trong cuộc sống, tạo thành một "vòng đời bất tận".  b. Xác định các từ khóa: chúng ta, linh dương, chết, có.  c. Xác định mối liên hệ giữa các từ khóa: chúng ta ăn linh dương; chúng ta chết; chúng ta trở về với cỏ; linh dương ăn cỏ.  **Bước 2. Viết.**  **2. Tóm tắt**  - Vẽ các hình cụ thể chứa các từ khóa.  - Sắp xếp các hình (chứa từ khóa) theo trật tự thích hợp.  - Vẽ các đường cong, thẳng hoặc mũi tên nối các hình (chứa từ khóa) với nhau. |

**Bước 3: Chỉnh sửa và đọc**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố lại các các yêu cầu của bài viết, tự sửa lại bài (nếu cần thiết)

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối vớí một sơ đồ tóm tắt nội dung một văn bản đơn giản  - HS tự chữa bài mình theo bảng hướng dẫn.  - Tạo nhóm để HS đọc và chữa bài cho nhau ( HĐ nhóm, kĩ thuật giải quyết vấn đề: để HS tìm ra cái đã biết, cái chưa biết trong nhiệm vụ viết, tạo nên ý thức tìm hiểu làm rõ vấn đề)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**HS x*em lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS báo cáo kết quả thảo luận.  + Các nhóm nhận xét.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  **Chuẩn kiến thức** về yêu cầu  + HS tự sửa sơ đồ để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  + tự kiểm tra lại sơ đồ của mình theo gợi ý của GV ( Theo bảng)  GV chọn một số sơ đồ để nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm chung cho cả lớp. Lưu ý không nên nêu tên HS để khen, chê trước lớp. | ***Bước 3: Chỉnh sửa và đọc***   Kiểm tra xem sơ đồ đã phản ánh đúng cách hiểu của bản thân về nội dung văn bản chưa.  - Xóa hay chỉnh sửa những chi tiết khiến người đọc sơ đồ có thể hiểu sai lệch điều bản thân muốn thể hiện hay chia sẻ về nội dung văn bản.  - Xem xét tính chính xác, phù hợp của việc xếp đặt vị trí các hình và việc thiết lập đường nối giữa chúng.  **\* HS chữa bài cho nhau** |

**Hoạt động 4: Vận dụng:**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố lại các các yêu cầu của bản tóm tắt nội dung văn bản theo sơ đồ, rèn kĩ năng tóm tắt nội dung văn bản bằng sơ đồ

**b. Nội dung**:

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

* Nêu ý nghĩa của việc tóm tắt sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản.
* Tóm tắt nội dung văn bản: “*Các loài sống chung với nhau như thế nào?”*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS x*em lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*

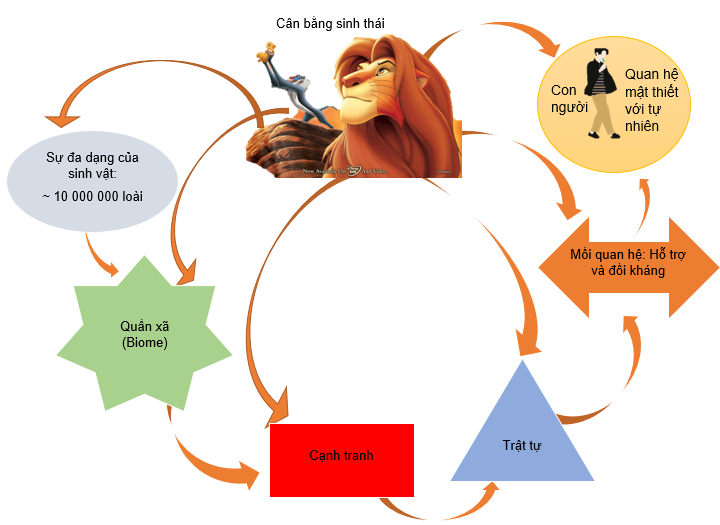
**Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**

+ HS thảo luận.

+ Các nhóm nhận xét.

**Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**

Sơ đồ bài *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*



- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Hướng dẫn HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau: Luyện nói Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường

Tiết:

NÓI VÀ NGHE:

**Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Biết đề xuất khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, trên tinh thần mong muốn chất lượng cuộc sống của chính bản thân và cộng đồng phải được cải thiện.

- Biết tham gia thảo luận một vấn đề có tình giải pháp thống nhất, biết lắng nghe đối thoại với ý kiến đề xuất của người khác trên tinh thần tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau.

**2. Về phẩm chất**

- Nhân ái, trách nhiệm với cuộc sống, với Trái Đất.

- Tự tin thể hiện quan ðiểm của bản thân.

- Biết lắng nghe, hợp tác nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến tình trạng ô nhiễm môi trường.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**:

Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Yêu cầu: Em đã dự các cuộc họp, cuộc thảo luận, thuyết trình... về một vấn đề có tình giải pháp thống nhất về nạn ô nhiễm môi trường. Để đi đến thống nhất các giải pháp chung về nạn ô nhiễm môi trường cần đòi hỏi nhiều kĩ năng quan trọng.Em hãy nhớ lại việc em đã làm trong quá trình lắng nghe ấy và điền vào bảng KWL sau đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột K**  Những điều em đã biết khi thực hiện việc thảo luận một vấn đề có tình giải pháp thống nhất về nạn ô nhiễm môi trường | **Cột W**  Những điều em muốn biết thêm, nhắc lại để làm tốt khi thực hiện việc thảo luận một vấn đề có tình giải pháp thống nhất về nạn ô nhiễm môi trường | **Cột L**  Những điều em rút ra sau phần thực hành bài tập việc thảo luận một vấn đề có tình giải pháp thống nhất về nạn ô nhiễm môi trường |
| ………………………  ………………………. | ………………………  ……………………… | ………………………  ………………………. |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**:

HS nhớ lại và điền cột K, cột W trong bảng KWL.

GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS phát biểu

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

**Dự kiến câu trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột K**  Những điều em đã biết khi thực hiện việc thảo luận một vấn đề có tình giải pháp thống nhất về nạn ô nhiễm môi trường | **Cột W**  Những điều em muốn biết thêm, nhắc lại để làm tốt khi thực hiện việc thảo luận một vấn đề có tình giải pháp thống nhất về nạn ô nhiễm môi trường | **Cột L**  Những điều em rút ra sau phần thực hành bài tập việc thảo luận một vấn đề có tình giải pháp thống nhất về nạn ô nhiễm môi trường |
| * Chuẩn bị nội dung nói về nạn ô nhiễm môi trường và một số giải pháp khắc phục   - Trao đổi với bạn bè, người thân... | * Đưa ra được ý kiến của bản thân về việc bảo vệ môi trường ( thực trạng, nguyên nhân, giải pháp khắc phục…) * thống nhất với các bạn để nâng cao tình hiệu quả của các giải pháp | ………………………  ………………………. |

GV kết nối vào tiết học: Tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay đã trở nên nghiêm trọng, đe dọa cuộc sống của tất cả chúng ta. Trong phạm vi và điều kiện hoạt động của mình, mỗi người có thể làm những gì để khắc phục tình trạng đó? Với hoạt động nói và nghe của bài học này, em hãy cùng các bạn thảo luận về những giải pháp cần thực hiện, nhằm làm cho môi trường quanh ta trở nên an toàn, tốt đẹp hơn.

**2. Hoạt động 2: TRƯỚC KHI NÓI**

**a. Mục tiêu: N1- GQVĐ,** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói – nghe khi thảo luận về một giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  **Trong vai trò người nói:**  Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  HS thảo luận nhóm để đi đến thống nhất về nội dung nói:  **Nội dung cụ thể: Bàn về giải pháp khắc phục tình trạng rác thải ùn ứ**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý  + GV quan sát, khuyến khích  Muốn giải pháp mình nêu lên có căn cứ, có tính khả thi, em và các bạn phải thống nhất trước với nhau về việc phải giải quyết tình trạng ô nhiễm cụ thể nào (rác thải ùn ứ, cống rãnh tắc nghẽn, khói bụi mù tịt,...). Khi nêu giải pháp, cần chú ý đến điều kiện và khả năng thực hiện, đồng thời quan tâm đến việc giải quyết tận gốc vấn đề (không để tình trạng cũ tái diễn). Điều quan trọng nữa là phải tính đến việc phối hợp hoạt động với các cá nhân và tập thể khác cùng sống, sinh hoạt trên địa bàn.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS báo cáo kết quả thảo luận.  + Các nhóm nhận xét.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**   1. **Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Tìm ý, lập dàn ý cho bài nói**   *Rác thải ùn ứ gây ảnh hướng đến sức khỏe của cộng đồng và làm mất mĩ quan khu vực như thế nào?*  *Vì sao có tình trạng này?*  *Mỗi người cần phải làm gì để rác thải được tập kết đúng chỗ và thu gom kịp thời? (Các cá nhân và tập thể sống trên địa bàn cần chung tay hành động thế nào? Cần phải xây dựng quy chế giữ gìn vệ sinh với nội dung cụ thể gì? Công tác tuyên truyền phải được thực hiện ra sao?...)*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Trình bày nội dung định nói về giải pháp khắc phục hiện tượng đã chọn, các em khác nghe, góp ý  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS báo cáo kết quả thảo luận.  + Các nhóm nhận xét.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  - | **Đề bài:** Hiện nay, tình trạng ô nhiễm môi trường đang trở nên trầm trọng. Em và các bạn hãy thảo luận về những giải pháp cần thực hiện nhằm làm cho môi trường quanh ta trở nên an toàn tốt đẹp.  **1. Chuẩn bị bài nói**  **a. Xác định mục đích người nói và người nghe**.  **- Mục đích nói**  Chia sẻ mối quan tâm chung về giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.   * **Người nghe**   Thầy cô, bạn bè và những người cùng quan tâm đến vấn đề ô nhiễm môi trường.  **b. Tìm ý, lập dàn ý.**  **- Chuẩn bị nội dung nói**  + Lựa chọn vấn đề: Vấn đề ở đây chính là giải pháp mà em đề xuất nhằm khắc phục nạn ô nhiễm môi trường: **Bàn về giải pháp khắc phục tình trạng rác thải ùn ứ**    - Tìm ý và sắp xếp ý:  + Thực trạng của rác thải ùn ứ trên địa bàn:  + Nguyên nhân của hiện tượng rác ùn ứ:  + Các giải pháp để rác thải tập kết đúng chỗ và thu gom kịp thời:  Cá nhân mỗi người cần nâng cao tinh thần tự giác, chấp hành tốt các quy định về giờ giấc đổ rác, phân loại rác, bỏ rác đúng chỗ tập kết…  Tập thể sống trên địa bàn: cần đưa ra những quy định cụ thể. Tuyên truyền, xử phạt, …  + Sau khi có được những ý cần thiết từ việc trả lời các câu hỏi, cần sắp xếp thành một đề cương theo trật tự: tình trạng - nguyên nhân - giải pháp (việc làm 1, việc làm 2, việc làm 3,...) - kế hoạch hoạt động cụ thể. Tất cả cần được viết thành một đề cương bài nói.  **- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm: Mở đầu, triển khai, kết luận** |

**3. Hoạt động 3: TRÌNH BÀY BÀI NÓI**

**a. Mục tiêu: N1- GQVĐ .** Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **2. Trình bày bài nói**  **Bước 3: Luyện tập và trình bày.**  **\* Mở đầu**  Nêu tình trạng đáng báo động của vấn đề ô nhiễm môi trường với các biểu hiện cụ thể của nó, nhất là biểu hiện em và các bạn đang phải đối mặt và cần tham gia giải quyết (**tình trạng rác thải ùn ứ và các giải pháp để khắc phục này)**  **\* Triển khai**  - Lần lượt trình bày các ý theo đề cương đã chuẩn bị.  - Trước khi trình bày có thể nêu lại các câu hỏi đã từng đặt ra trong tưng bước tìm ý, nhằm giúp người nghe hiểu được từng nội dung của khía cạnh vấn đề.  **\* Kết luận**  - Khái quát lại nội dung ý kiến vừa trình bày  **b) Tập luyện**  - Nói một mình (nói thầm, nói to, nói kèm theo điệu bộ, cử chỉ,...).  - Nói trước nhóm học tập. |

**4. Hoạt động 3. SAU KHI NÓI**

**a. Mục tiêu:** N1- GQVĐ , HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi khi thực hiện bài nói trước tập thể

**b. Nội dung: HS chắt lọc kiến SGK và trả lời câu hỏi**.

**c. Sản phẩm:** Phiếu đánh giá bài nói .

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  - Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS nghe, phản hồi ý kiến, bày tỏ quan điểm  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Chú ý: GV cần định hướng HS về một số mặt như: tính đầy đủ, tính hấp dẫn, tính chính xác của hiện tượng (vấn đề) được chọn trình bày. Chú ý đến ngữ điệu, cử chỉ, lời nói; thời gian trình bày. | **3. Sau khi nói**  **Trao đổi, đánh giá.**  \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói- nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Người nghe** | **Người nói** | | - Đặt mình vào vị trí người nói để thấu hiểu lí do khiến người nói đề xuất giải pháp như vậy.  - Các nhận xét, trao đổi hướng vào trọng tâm, không sa vào những chi tiết vụn vặt.  - Nêu được điều tâm đắc của em về ý kiến của em.  - Nêu những điều em chưa đồng tình với ý kiến của bạn. | Tiếp nhận mọi trao đổi trên tinh thần hướng đến việc tìm tòi một giải pháp thống nhất.  - Làm rõ một số điểm mà người nghe có thể thắc mắc.  - Bảo vệ những nội dung trong ý kiến của bản thân mà em cho là hợp lí.  - Tự rút ra những kinh nghiệm cần thiết trong việc nêu ý kiến khi tham gia thảo luận. | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1.Vấn đề đưa ra mang tính thời sự, đúng chủ đề giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường | Không đưa ra được  vấn đề phù hợp | Vấn đề mang tính thời sự, vấn đề phù hợp | Vấn đề nóng bỏng trong XH hiện nay |
| 2. Nội dung | ND sơ sài, không nêu được quan điểm của cá nhân và không biết bảo vệ quan điểm | HS đưa ra lí lẽ, bằng chứng thuyết phục biết bảo vệ quan điểm | Có sức thuyết phục sử dụng lí lẽ và bằng chứng từ thực tế trong đời sống, quan điểm rõ ràng có sức thuyết phục. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c. Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên Chiếu lại phiếu học tập đầu tiết học :Bảng KWL

- HS điền thông tin ở cột L

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Dự kiến sản phẩm: Cột L: HS ghi nội dung cốt lõi của việc tóm tắt nội dung trình bày của người khác như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột K**  Những điều em đã biết khi thực hiện việc thảo luận một vấn đề có tình giải pháp thống nhất về nạn ô nhiễm môi trường | **Cột W**  Những điều em muốn biết thêm, nhắc lại để làm tốt khi thực hiện việc thảo luận một vấn đề có tình giải pháp thống nhất về nạn ô nhiễm môi trường | **Cột L**  Những điều em rút ra sau phần thực hành bài tập việc thảo luận một vấn đề có tình giải pháp thống nhất về nạn ô nhiễm môi trường |
| * Chuẩn bị nội dung nói về nạn ô nhiễm môi trường và một số giải pháp khắc phục   - Trao đổi với bạn bè, người thân... | * Đưa ra được ý kiến của bản thân về việc bảo vệ môi trường ( thực trạng, nguyên nhân, giải pháp khắc phục…) * thống nhất với các bạn để nâng cao tình hiệu quả của các giải pháp | Khi nói: phác thảo những nội dung định nói dưới dạng những gạch đầu dòng. Tiếp theo, trình bày ngắn gọn những nội dung đó   * Tiếp nhận ý kiến trên tinh thần hợp tác, thống nhất, có chính kiến riêng, làm rõ quan điểm mà người nghe thắc mắc.   **Khi nghe:**  ***Lắng nghe*** cần nghe hết câu, hết ý để hiểu rõ điều người trình bày muốn nói |

Bài tham khảo: .

Chắc hẳn nhiều người sẽ thắc mắc: vứt rác bừa bãi, ùn ứ ảnh hưởng xấu như thế vậy tại sao người dân lại vẫn tiếp tục làm. Có lẽ nguyên nhân khách quan là do hệ thống thùng rác chưa được bố trí hợp lí, để tìm được một chiếc thùng rác trên tuyến phố lớn nhiều khi cũng rất khó khăn. Nhưng chủ yếu vẫn là do ý thức của con người. Đối với các em nhỏ, các em có thể chưa ý thức đươc việc mình làm, các em chỉ bắt chước, làm theo người lớn.

Vậy trước thực trạng đáng lo trên, chúng ta cần phải làm gì? Đầu tiên và quan trọng nhất là nâng cao ý thức của người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Kĩ năng thức tế, biết áp dụng những điều đã học vào việc giữ gìn môi trường cần được chú trọng hơn là việc học nhiều lí thuyết như hiện nay. Và có lẽ để khắc phục hiện tượng vứt rác bừa bãi các cơ quan chức năng nên đề ra chế tài xử phạt nghiêm khắc như ở nhiều nước bạn, có thế người dâ mới chủ động chấp hành. Tuy nhiên cũng có rất nhiều tín hiệu vui, ngày càng có nhiều chương trình tuyên truyền ý thức được phổ biến, đâu đó trên các con phố ta vẫn thấy thấp thoáng màu áo xanh tình nguyện đi dọn dẹp đường phố, vớt rác ở sông hồ. Đấy là những hành động đẹp mà chúng ta cần noi theo.

Bên cạnh đó, sử dụng các phương tiện công cộng hoặc đi xe đạp, xe điện thay thế cho các loại phương tiện gây ô nhiễm đường phố. Phát động trồng nhiều cây xanh tạo sự trong lành, điều hoà môi trường sống. Ngoài ra, các nhà nghiên cứu khoa học hay mỗi người cần nghiên cứu phát minh ra những thiết bị, công cụ xử lý, tái chế hay phân loại rác thải nhằm giảm công sức và chi phí, đồng thời giảm thiểu lượng rác thải mỗi ngày.

Hướng dẫn học ở nhà: Hoàn thành bài viết ở phần vận dụng để chữa vào buổi chiều.

Về nhà thu thập tài liệu, tri thức thực tiễn để làm một trong đề cụ thể sau:

- chuẩn bị thêm một vài vấn đề khác liên quan đển giải pháp bảo vệ môi trường: khói bụi, nguồn nước bị ô nhiễm, …

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố được kiến thức trong bài học ở các văn bản truyện cổ tích

**-** HS biết mở rộng phạm vi đọc và tìm hiểu các VB ngoài sách có cùng chủ đề, thể loại.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập đã hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Câu 1.**Trong bài học này, em đã được đọc ba văn bản hoàn chỉnh. Kẻ bảng sau vào vở, đánh dấu X vào các ô trống thích hợp. ( Bảng trong SHS trang 94) Trả lời câu hỏi  a. Theo em, lí do nào khiến ba văn bản này được xếp chung vào một bài học?  b. Bài học giúp em hiểu thêm gì về vấn đề bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất?  c. Nêu những kiến thức mà em đã học được về văn bản thông tin.  **Câu 2**: Kẻ bảng sau vào vở (SHS trang 95). Điền thông tin vào ô trống, xem như chuẩn bị ý tưởng và dữ liệu cho một văn bản thông tin (có thể dưới dạng văn bản đa phương thức) viết về một vấn đề mà em quan tâm.  (có thể GV hướng dẫn để HS làm ở nhà)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  - Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS nghe, phản hồi ý kiến, bày tỏ quan điểm  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Chú ý: GV cần định hướng HS về một số mặt như: tính đầy đủ, tính hấp dẫn, tính chính xác của hiện tượng (vấn đề) được chọn trình bày. | **Câu 1:**  a. Theo em, lí do nào khiến ba văn bản này được xếp chung vào một bài học là:  - Ba văn bản này được xếp chung vào một bài học vì nó đều nói về chủ đề Trái đất - ngôi nhà chung. Kêu gọi trách nhiệm chung ta bảo vệ, giữ gìn hành tinh xanh, môi trường sống xanh sạch đẹp.  b. Bài học giúp em hiểu về vấn đề bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất:  - Bài học giúp em hiểu thêm về vấn đề bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất: Trái Đất đang chịu sự tổn thương nghiêm trọng trước sự khai thác, phá hoại bừa bãi của con người. Bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất thật sự là một vấn đề cấp bách và cần thiết ngay bây giờ trước khi Trái đất không thể chịu đựng được nữa.  c. Những kiến thức mà em đã học được về văn bản thông tin:  - Một văn bản thông tin thường có các yếu tố như: nhan đề (một số văn bản có sa-pô dưới nhan đề), đề mục (tên gọi của các phần), đoạn văn, tranh ảnh,...  - Mỗi văn bản thông tin có một cách triển khai riêng. Bên cạnh cách triển khai theo trật tự thời gian, văn bản thông tin có thể được triển khai theo quan hệ nhân quả, nguyên nhân được nêu trước, tiếp sau đó là kết quả, tất cả tạo thành một chuỗi liên tục.  **Câu 2**: Kẻ bảng sau vào vở (SHS trang 95). Điền thông tin vào ô trống, xem như chuẩn bị ý tưởng và dữ liệu cho một văn bản thông tin (có thể dưới dạng văn bản đa phương thức) viết về một vấn đề mà em quan tâm.  **(Phiếu học tập 2)** |

Câu 1: Trong bài học này, em đã được đọc ba văn bản hoàn chỉnh. Kẻ bảng sau vào vở, đánh dấu X vào các ô trống thích hợp.

Phiếu học tập số 1 (bảng trang 94- SHS)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Nội dung** | **Loại văn bản** | | | **Hình thức văn bản** |
| **Trái đất - môi trường** | **Văn bản thông tin** | **Văn bản văn học** | **Văn bản chỉ có kênh chữ** | **Văn bản đa phương thức** |
| **Trái Đất - cái nôi của sự sống** |  |  |  |  |  |
| **Các loài chung sống với nhau như thế nào?** |  |  |  |  |  |
| **Trái Đất** |  |  |  |  |  |

Dự kiến:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Nội dung** | **Loại văn bản** | | | **Hình thức văn bản** |
| **Trái đất - môi trường** | **Văn bản thông tin** | **Văn bản văn học** | **Văn bản chỉ có kênh chữ** | **Văn bản đa phương thức** |
| **Trái Đất - cái nôi của sự sống** | x | x |  |  | x |
| **Các loài chung sống với nhau như thế nào?** | x | x |  |  | x |
| **Trái Đất** | x |  | x | x |  |

Câu 2.   
  
**Vấn đề em định viết là: Bảo vệ các loài động vật hoang dã ở Việt Nam.**

**(Phiếu học tập 2)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đoạn** | **Ý lớn** | **Các ý nhỏ** | **Số liệu** | **Từ khóa** |
| 1 | Những vi phạm trong việc tiêu thụ động vật hoang dã tại Việt Nam. | Mạng lưới trung chuyển, buôn bán động vật trái phép tại Việt Nam và sang nước ngoài. | Số liệu thống kê do Trung tâm Giáo dục thiên nhiên (ENV) ghi nhận năm 2019, có 1.777 vụ vi phạm về ÐVHD mới, trong đó có 146 vụ vận chuyển, 979 vụ mua bán, quảng cáo và 610 vụ nuôi nhốt trái phép ÐVHD... | Buôn bán, nuôi nhốt, săn bắt, vi phạm trái phép. |
| 2 | Cứu hộ và bảo tồn nhiều loài động vật quý hiếm tại Việt Nam. | Các cá thể được thả về nơi cư trú. Tịch thu các cá thể quý hiếm đang nguy cấp. | ENV đã phối hợp với các cơ quan chức năng cứu hộ 36 cá thể ĐVHD gồm nhiều loài quý hiếm như: Vượn, tê tê, mèo rừng, rùa núi vàng. Trong đó có 15 cá thể khỉ bị nuôi nhốt trái phép ở nhà dân, quán cà phê hay tại chùa ở nhiều địa phương. 2 cá thể vượn đen má trắng ở huyện Quế Phong (Nghệ An) được đưa về cứu hộ tại Vườn quốc gia Pù Mát. 1 cá thể Dù Dì Nepal cũng được tự nguyện chuyển giao tới Trung tâm cứu hộ Củ Chi. | Quý hiếm, báo động, nguy cấp |
| 3 | Biện pháp bảo vệ động vật hoang dã. | Biện pháp răn đe hiệu quả. Nghiêm cấm buôn bán sừng tê giác. Châm dứt việc nuôi gấu, nuôi hổ | Các bộ luật. | Tăng cường, thắt chắt, siết chặt. |  |



**THỰC HÀNH ĐỌC:**

**Văn bản 1: *Sinh vật trên Trái Đất được hinhg thành như thế nào?***

**(NGUYỄN QUANG RIỆU)**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ**

- Giúp HS củng cố và khắc sâu những hiểu biết về đặc điểm của kiểu văn bản thông tin.

- Nhận biết được một số từ mượn trong văn bản;

- Hiểu được sự sống được hình thành qua một quá trình dài đằng đẵng, nhưng việc hủy diệt sự sống thì diễn ra trong chớp mắt.

**b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.**

**c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài tập đã hoàn thiện của HS.**

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Trước khi đọc:**

Em hiểu gì về sự hình thành sự sống trên Trái Đất?

HS chia sẻ

GV: Sự hình thành sự sống trên Trái Đất là một quá trình đằng đẵng.

**Thực hành đọc:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  (1) GV hướng dẫn HS cách đọc, sau đó đọc mẫu một đoạn. Gọi một vài HS đọc văn bản. Chú ý HS cần đọc rõ ràng, mạch lạc,  (2) Gv hướng dẫn HS tự tìm hiểu những kiến thức cơ bản để tìm hiểu chung về VB:  + Giới thiệu về tác giả của Vb ? Nêu xuất xứ VB? Những đặc điểm nào cho biết VB thuộc kiểu VB thông tin?  + Từ mượn đã được dùng khá nhiều trong văn bản. Đó là những từ nào? Theo em từ nào trong số đó có thể được thay thế bằng một từ thuần Việt hoặc từ mượn khác quen thuộc hơn? Vì sao?  + Có thể chia VB thành mấy phần, nêu ý chính của từng phần?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  HS đọc VB, trình bày kiến thức chung về VB.  **\* Bước 3. Nhận xét.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức**  **NV 2: Khám phá văn bản**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: (thảo luận nhóm. Kĩ thuật: think-pair-share**  GV chia lớp làm 6,8 nhóm, khám VB Thời gian 10 phút:  + các nhà khoa học đã cho chúng ta biết những giả thuyết gì về việc hình thành sự sống trên Trái Đất?  + Quy trình tạo ra sự sống trên Trái Đất đã diễn ra như thế nào? Nước đóng vai trò gì?  + Sự sống được hình thành qua một quá trình dài đằng đẵng, nhưng việc hủy diệt sự sống có thể chỉ diễn ra trong chớp mắt. Điều này gợi lên trong em cảm xúc và suy nghĩ gì?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.** - Học sinh: suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ của mình1. Think (Nghĩ):HS suy nghĩ độc lập về vấn đề được nêu ra; tự hình thành nên ý tưởng của mình 2. Pair (Bắt cặp):  HS được ghép cặp với nhau để thảo luận về những ý tưởng vừa có. Bước này giúp HS thể hiện ý tưởng của mình, xem xét ý tưởng của bạn.  3. Share (Chia sẻ):  HS chia sẻ ý tưởng vừa thảo luận với nhóm lớn hơn  Giáo viên: quan sát, hỗ trợ  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: Đại diện nhóm báo cáo kết quả. HS nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\* Làm việc cá nhân.**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS tổng kết lại giá trị của VB trên hai phương diện nghệ thuật, nội dung:  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  - Học sinh: suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ của mình  - Giáo viên: quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trình bày kết quả. HS nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức** | **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  **b. Xuất xứ:**  - Tác giả: Nguyễn Quang Riệu (1932- 2021) nhà vật lí thiên văn học nổi tiếng thê giới, sống và làm việc tại Pháp  - VB trích “Bầu trời tuổi thơ” - 2002  **c. Thể loại:** Văn bản thông tin  **d. Chủ đề:** văn bản cung cấp những thông tin khoa học lí giải sự hình thành và nguồn gốc của sự sống trên Trái Đất  **đ. Từ mượn trong VB**  - Một số từ mượn như: *hi-đrô, a-mô-ni-ắc, mê-tan, a-xít-a-min, các-bô-níc, glu-cô, ô-xi,….*  - Từ *glu-cô* có thể thay thế bằng từ *đường.*Vì từ *đường* được sử dụng rộng rãi, phổ biến hơn từ *glu-cô.*  **e. Bố cục**: Có thể chia văn bản thành 2 phần:  - Phần 1 (Từ đầu đến ***…vật lí, hóa học và sinh học***): Giới thiệu vấn đề nguồn gốc sự sống  - Phần 2 (Còn lại): Nguồn gốc sự hình thành các sinh vật  **3. Khám phá văn bản**  **a. Khí quyển và nguồn gốc sự sống Trái Đất**  - Khí quyển khi Trái Đất vừa được hình thành (cách đây 4,6 tỉ năm) bao gồm hi-đrô, a-mô-ni-ắc, mê-tan,hơi nước.  - Có ý kiến cho rằng khí quyển nguyên thủy có thể tạo ra những loại phân tử hữu cơ trong tế bào → Nhà hóa học Min-lơ cách đây nửa thế kỉ đã chứng minh điều đó.  - Có ý kiến khác cho rằng bụi từ sao chổi và thiên thạch gieo rắc lên hành tinh mầm mống dưới dạng vi sinh vật.  → Vấn đề nguồn gốc vẫn được tranh luận.  **b. Quy trình tạo ra sự sống trên Trái Đất**  - Nước là dung môi hòa tan những phân tử, dẫn đến sự nảy nở của sự sống.  - Dưới ánh sáng Mặt Trời, khí các-bon-níc kết hợp với nước biến thành glu-cô và ô-xi. Khí ô-xi bốc lên khí quyển và duy trì sự sống trên Trái Đất. Sự hô hấp của sinh vật, sự cộng sinh giữa giới động vật và thực vật được thực hiện nhờ quy trình trên.  **c. Thông điệp của văn bản**  **Sự sống được hình thành qua một quá trình dài đằng đẵng, nhưng việc hủy diệt sự sống có thể chỉ diễn ra trong chớp mắt.**  - Lo lắng cho sự sống của Trái Đất có thể bị đe dọa nghiêm trọng.  - Mỗi người cần phải có ý thức hơn trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ Trái Đất.  **4. Tổng kết**  **a. Nghệ thuật**  - Thông tin chính xác, khoa học về Trái Đất.  - Trình tự trình bày thông tin các phần trong văn bản ngắn gọn, rõ ràng.  **b. Nội dung**  - Văn bản nêu ra những tranh luận về quá trình hình thành Trái Đất: khí quyển, vi sinh vật, những phản ứng hóa học,...  - Từ đó giúp mọi người nhận thức được quá trình hình thành sự sống trên Trái Đất là quá trình đằng đẵng. Vì thế cần nâng cao ý thức bảo vệ Trái Đất. |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG CHO CẢ BÀI HỌC**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong cả chủ đề bài học để làm bài tập

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về kiến thức xung quanh việc tìm hiểu một đoạn văn cùng chủ đề

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:**

[…] Mỗi loài động vật tồn tại trên Trái Đất đều là kết quả của tạo hoá trong hàng tỉ năm và có tác dụng của chúng trong tự nhiên là không thể thay thế. Mỗi loài động vật đều có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đối với con người; nếu mất đi bất kì một loài nào cũng có thể tạo ra một vết khuyết trong hệ sinh thái là môi trường sinh tồn của con người.

Trong hơn một thế kỉ trở lại đây, dân số thế giới ngày càng gia tăng, trong khi số lượng các loài động vật ngày một giảm đi rõ rệt. Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn. Nhiều loài thậm chí thường xuyên bị con người ngược đãi, săn bắt vô tổ chức và tàn sát không thương tay. […]

(Trích “***Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật***?” - Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du)

**Câu 1:** Nêu nội dung chính của đoạn trích trên.

**Câu 2:** Chỉ ra các từ Hán Việt có trong câu văn “*Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn”.* Em hiểu “tuyệt chủng” có nghĩa là gì?

**Câu 3:** Theo em, có những nguyên nhân nào khiến cho không ít loài vật đã hoặc đang đứng trước nguy cơ “tuyệt chủng”?

**Câu 4:** Em hãy đề xuất một số giải pháp để góp phần bảo vệ các loài động vật khỏi nguy cơ tuyệt chủng.

**\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Bước 3. Báo cáo kết quả.**

**\* Bước 4. Nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**

Dự kiến sản phẩm **:**

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Nội dung chính đoạn trích: **Thực trạng đáng báo động về cuộc sống của động vật.**

**Câu 2:**

* Các từ Hán Việt: *môi trường; chiếm lĩnh; nguy cơ; tuyệt chủng.*
* Nghĩa của từ “Tuyệt chủng”: bị mất hẳn nòi giống.

**Câu 3:** Những nguyên nhân nào khiến cho không ít loài vật đã hoặc đang đứng trước nguy cơ “tuyệt chủng”:

* Do con người chiếm lĩnh, phá hoại môi trường sống tự nhiên của động vật để canh tác, sản xuất.
* Do con người săn bắt trái phép, tàn sát các loài động vật hoang dã để mua bán, trao đổi vì lợi ích cá nhân.
* Do biến đổi khí hậu khiến các loài động vật không kịp thích nghi (mà nguyên nhân sâu sa gây biến đổi khí hậu phần lớn do hoạt động của con người)
* …

**Câu 4:** Một số giải pháp để góp phần bảo vệ các loài động vật khỏi nguy cơ tuyệt chủng:

+ Đưa danh sách các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng vào Sách đỏ để bảo vệ.

+ Các cơ quan chính quyền có các văn bản nghiêm cấm không săn bắt giết hại động vật hoang dã; xử lí nghiêm các hành vi săn bắt, mua bán, trao đổi các động vật hoang dã.

+ Bảo vệ môi trường sống của chúng: kêu gọi trồng rừng để tạo môi trường sống tự nhiên cho động vật; xây dựng các khu dân cư, khu công nghiệp xa khu sinh sống của động vật.

+ Tuyên truyền mọi người về lợi ích của các loài động vật với cuộc sống con người.

+ Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, có chế độ bảo vệ các cá thể của những loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng.

**ĐỌC MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu**:

- HS tìm đọc văn bản thông tin và văn bản nghị luận

- Trao đổi về những cảm nhận suy nghĩ của HS về cần chú ý những đặc điểm cơ bản khi đọc văn bản thông tin và văn bản nghị luận

- Trao đổi thảo luận về những văn bản đã đọc.

**b. Nội dung**: -HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, thảo luận cùng bạn bè

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

Câu 1. Tìm đọc một số văn bản nghị luận và văn bản thông tin mà em thích.

Câu 2. Trao đổi, thảo luận về những văn bản mà em đã đọc.

**- Bước 2**. HS trả lời.

**- Bước 3.** Nhận xét.

**- Bước 4.** Chuẩn kiến thức.

- Chú ý các đặc điểm của văn bản nghị luận và văn bản thông tin sau:

**a. Văn bản nghị luận:**

**- Khái niệm:**Là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.

**- Các yếu tố cơ bản trong văn nghị luận**: Để văn bản thực sự có sức thuyết phuc, người viết (người nói) cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng.

+ Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình.

+ Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.

**b. Văn bản thông tin**

**- Các yếu tố:** Một văn bản thông tin thường có các yếu tố như: nhan đề (một số văn bản có sa-pô dưới nhan đề), đề mục (tên gọi của các phần), đoạn văn, tranh ảnh,...

**- Cách triển khai:** Mỗi văn bản thông tin thường có một cách triển khai riêng. Bên cạnh cách triển khai theo trật tự thời gian, văn bản thông tin có thể được triển khai theo quan hệ nhân quả, nguyên nhân được nêu trước, tiếp sau đó là kết quả, tất cả tạo thành một chuỗi liên tục.

**Nhiệm vụ về nhà:**

- Học bài, tiếp tục sưu tầm tìm hiểu vềvăn bản nghị luận và văn bản thông tin

- Làm bài tập

- Chuẩn bị bài mới: CUỐN SÁCH TÔI YÊU

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- Sách giáo khoa Ngữ văn – Kết nối tri thức với cuộc sống.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 vừa tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

**IV.** **RÚT KINH GHIỆM GIỜ**